

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON NHỊ XUÂN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH –NĂM 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON NHỊ XUÂN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Đỗ Thị Kim Tiến	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Trần Trung Hậu	Nhân viên thủ quỹ	Thư ký hội đồng	
3	Hồ Thị Kim Liên	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên hội đồng	
4	Thái Thụy Thanh Thủy	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
5	Mai Thị Lý	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
6	Lê Nhật Yến Vy	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
7	Trần Thị Thu Hường	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
8	Nguyễn Thị Thùy Trang	Tổ trưởng Văn phòng	Ủy viên hội đồng	
9	Nguyễn Thị Diệu Hằng	Tổ trưởng tổ cấp dưỡng	Ủy viên hội đồng	
10	Đỗ Thị Kim Hồng	Bí thư chi đoàn	Ủy viên hội đồng	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – (NĂM 2019)

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	
Mở đầu	
Tiêu chí 1.1. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	
Tiêu chí 1.2. Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	
Tiêu chí 1.3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	
Tiêu chí 1.4. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	
Tiêu chí 1.5. Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo.	
Tiêu chí 1.6. Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	
Tiêu chí 1.7. Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	
Tiêu chí 1.8. Quản lý các hoạt động giáo dục.	
Tiêu chí 1.9. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	
Tiêu chí 1.10. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	
Mở đầu	
Tiêu chí 2.1. Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	
Tiêu chí 2.2. Đối với giáo viên.	
Tiêu chí 2.3. Đối với nhân viên.	
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.	
Mở đầu	
Tiêu chí 3.1. Diện tích, khuôn viên và sân vườn.	
Tiêu chí 3.2. Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập.	
Tiêu chí 3.3. Khối phòng hành chính - quản trị.	

Tiêu chí 3.4. Khôi phòng tổ chức ăn.	
Tiêu chí 3.5. Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.	
Tiêu chí 3.6. Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.	
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	
Mở đầu	
Tiêu chí 4.1. Ban đại diện cha mẹ trẻ.	
Tiêu chí 4.2. Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	
Mở đầu	
Tiêu chí 5.1. Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.	
Tiêu chí 5.2. Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.	
Tiêu chí 5.3. Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.	
Tiêu chí 5.4. Kết quả giáo dục.	
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	
Phần IV. PHỤ LỤC	
Danh mục mã minh chứng	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	x
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				

Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 2.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2

Phần I: CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Mầm non Nhị Xuân

Tên trước đây: Nhà trẻ Vàng Anh 3

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Huyện Hóc Môn

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Đỗ Thị Kim Tiền
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Huyện Hóc Môn	Điện thoại	02.837.139.403
Xã / phường/thị trấn	Xuân Thới Sơn	Fax	Không
Đạt CQG	-	Website	mnnhixuan.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2001	Số điểm trường	01 điểm chính
Công lập	x	Loại hình khác	Không
Tư thực	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Dân lập	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019
Nhóm trẻ từ 6 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 13 đến 18 tháng tuổi	01	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 19 đến 24 tháng tuổi	01	01	01	01	01
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	02	02	02	02	01
Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	03	03	03	02	03

Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	02	03	03	03	03
Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	04	03	03	04	04
Cộng	12	12	12	12	12

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2014- 2015	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	12	12	12	12	12	
1	Phòng kiên cố	12	12	12	12	12	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng phục vụ học tập	02	02	02	02	02	
1	Phòng kiên cố	02	02	02	02	02	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	05	05	05	05	05	
1	Phòng kiên cố	05	05	05	05	05	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	01	01	01	01	01	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	0	0	0	0	0	
	Cộng	20	20	20	20	20	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 05/2019

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	0	01	
Phó hiệu trưởng	00	00	00	00	00	00	
Giáo viên	26	26	0	0	0	26	
Nhân viên	16	12	0	04	10	02	
Cộng	43	40	0	04	10	29	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019
1	Tổng số giáo viên	29	29	29	25	26
2	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)	93/9=10.3	83/7=11.8	78/6=13	71/7=10	63/5=12.6
3	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	406/20=20 .3	431/22=19 .6	395/23=17. 2	390/18=21. 7	371/20=18 .6
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	04	0	01	01	08
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	499	514	473	461	434	
	- Nữ	252	257	255	221	206	
	- Dân tộc thiểu số	16	9	11	10	8	
2	Đối tượng chính sách	0	0	0	0	0	
3	Khuyết tật	0	0	0	0	0	
4	Tuyển mới	199	205	150	132	186	
5	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	
6	Bán trú	499	514	473	461	434	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	406/8=50.7	431/9=47.8	395/9=43.8	390/9=43.3	371/10=37.1	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	93/4=23.2	83/3=27.6	78/3=26	71/3=23.6	63/2=31.5	
9	- Trẻ em từ 06 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 13 đến 18 tháng tuổi	08	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 19 đến 24 tháng tuổi	22	20	19	15	18	
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	63	63	59	56	31	

	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	114	125	99	121	152	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	98	155	146	82	160	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	194	151	183	187	156	

Phần II : TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của trường:

Trường mầm non Nhị Xuân tọa lạc tại số 7B đường Nguyễn Văn Bứa, Ấp 5, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn. Năm 1976, trường mang tên Nhà trẻ Vàng Anh 3, lúc bấy giờ, trường có 05 phòng học ở 02 điểm khác nhau, 50% trẻ học một buổi và 50% trẻ học bán trú, cơ sở vật chất còn nghèo nàn và gặp nhiều khó khăn. Năm 1999, trường được Trung tâm GD-GQVL-LLTNXP Nhị Xuân bàn giao đất và khởi công xây dựng trên nền đất 4.907m² theo Quyết định số 553/1999/QĐ-KHĐT-VX ngày 17 tháng 12 năm 1999 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2001, trường có tên gọi chính thức Mầm non Nhị Xuân theo Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 03 tháng 07 năm 2001, trường đi vào hoạt động bán trú với tổng số 226 trẻ. Mặc dù bước đầu còn gặp nhiều khó khăn trong công tác chăm sóc, giáo dục nhưng với sự lãnh đạo đúng đắn của chi bộ Đảng, lòng quyết tâm cao độ và sự đoàn kết vững chắc của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đã từng bước nâng cao chất lượng trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Song song đó, nhà trường luôn tranh thủ các nguồn lực từ phía phụ huynh và các ban ngành để tu bổ nâng cấp cơ sở vật chất trường lớp. Với những nỗ lực nói trên năm 2004, trường được công nhận danh hiệu trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1. Không dừng lại nơi đây tập thể nhà trường luôn thực hiện tốt các cuộc vận động, phong trào thi đua do ngành Giáo dục, Đảng và Nhà nước phát động đạt được nhiều thành tích đáng kể: Nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc; năm 2007 tập thể nhà trường vinh dự đón nhận bằng khen Thủ tướng Chính phủ; năm học 2007-2008, năm học 2009-2010, năm học 2011-2012, năm học 2014-2015 và năm học 2015-2016 trường đón nhận cờ thi đua xuất sắc của UBND Thành phố khen tặng; năm học 2017-2018 trường nhận Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Mục đích tự đánh giá:

Thực hiện công văn số 45/ GDĐT-KĐCLGD ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Phòng GD&ĐT huyện Hóc Môn về việc thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2018-2019; Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non . Trường mầm non Nhị Xuân tiến hành công tác tự đánh giá, với quyết tâm thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc giáo dục, giữ vững các danh hiệu cao quý, đồng thời nhằm mục đích xác định những điểm mạnh, điểm hạn chế của đơn vị và có kế

hoạch cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục, công khai với xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Quá trình tự đánh giá và những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá:

Ngày 11 tháng 02 năm 2019 đến ngày 16 tháng 02 năm 2019: Hội đồng tự đánh giá và các vấn đề liên quan đến triển khai hoạt động tự đánh giá. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Ngày tháng 02 năm 2019: Hội đồng tự đánh giá công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác và cá nhân thực hiện viết phiếu đánh giá tiêu chí, thu thập và xử lý các thông tin minh chứng, tổng hợp báo cáo tự đánh giá của trường; xây dựng dự thảo và ban hành kế hoạch tự đánh giá.

Ngày 16 tháng 02 năm 2019: Hiệu trưởng tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá và phổ biến kế hoạch tự đánh giá cho hội đồng tự đánh giá đến cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường. Bước đầu cho công tác báo cáo tự đánh giá, Hiệu trưởng nghiên cứu các văn bản chỉ đạo về việc hướng dẫn tự đánh giá trường mầm non và thông báo đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên hiểu ý nghĩa, mục đích, tầm quan trọng trong công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị.

Từ ngày 18 tháng 02 năm 2019 đến ngày 29 tháng 3 năm 2019: Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí; tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được; lập bảng danh mục mã minh chứng, các nhóm công tác, cá nhân viết các phiếu đánh giá tiêu chí.

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2019 đến ngày 12 tháng 4 năm 2019: Hội đồng tự đánh giá thảo luận các vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung. Các nhóm báo cáo nội dung của từng phiếu đánh giá tiêu chí; chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của từng phiếu đánh giá tiêu chí; thu thập, xử lý minh chứng bổ sung; dự thảo báo cáo tự đánh giá.

Từ ngày 15 tháng 4 năm 2019 đến ngày 26 tháng 4 năm 2019: Hội đồng tự đánh giá để kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo tự đánh giá.

Ngày 04 tháng 5 năm 2019: Thông qua báo cáo tự đánh giá đã được chỉnh sửa, bổ sung; công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ trường; thu thập

các ý kiến đóng góp; bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá sau khi có các ý kiến đóng góp; đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng.

Từ ngày 06 tháng 5 năm 2019 đến ngày 17 tháng 5 năm 2019: các thành viên của Hội đồng tự đánh giá ký tên vào danh sách trong báo cáo tự đánh giá; hiệu trưởng ký tên, đóng dấu và ban hành; công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường; lưu trữ báo cáo tự đánh giá, các minh chứng và các tài liệu liên quan theo quy định.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 1, MỨC 2 VÀ MỨC 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Mầm non Nhị Xuân có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường nhiệm kỳ 2014 đến 2019. Trường có bộ máy, cơ cấu tổ chức hoạt động theo quy định của Điều lệ trường mầm non; thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản; quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên; tổ chức nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đúng theo quy định; quản lý các hoạt động giáo dục; thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở theo quy định; luôn chú trọng công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ em trong nhà trường. Nhà trường xây dựng và thực hiện tốt các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, phòng chống tai nạn thương tích trong trường nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhiệm kỳ 2014-2019, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp Một [H1-1.1-01]. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn như: Thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt công nghệ thông tin; công tác quản lý, tổ chức các hoạt động trong nhà trường được đổi mới tích cực và hiệu quả [H1-1.1-02]. Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với các nguồn lực nhà trường như: Phát huy tốt vai trò lãnh đạo nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh về công tác xã hội hóa giáo dục; có định hướng và có kế hoạch cụ thể cho công tác huy động các nguồn lực; sử dụng tiết kiệm đúng mục đích và có hiệu quả các nguồn lực; công khai các nguồn lực đã huy động [H1-1.1-03].

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.1-01].

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được triển khai trong đội ngũ thông qua các buổi họp đầu năm học, niêm yết công khai tại bảng tin nhà trường. Tuy nhiên, hình thức công khai chưa được thực hiện trên trang thông tin điện tử nhà trường, chưa được công khai rộng rãi để cộng đồng xã hội tham gia góp ý xây dựng [H1-1.1-01].

Mức 2:

Hàng tháng, hàng quý và học kỳ nhà trường đều tiến hành giám sát việc thực hiện Phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển trong từng năm học như: Giám sát nguồn thu; chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ của đội ngũ; sự phát triển của trẻ theo từng lĩnh vực; công tác phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi...từ đó rút ra bài học kinh nghiệm, đề ra những biện pháp khả thi, điều

chỉnh những biện pháp chưa đạt hiệu quả trong Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

Mức 3:

Căn cứ kết quả cuối năm học, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rà soát, bổ sung, điều chỉnh Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Đầu năm học nhà trường tổ chức các cuộc họp dựa trên kết quả thực hiện Phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển của năm học trước. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia đầy đủ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ trẻ [H1-1.1-03]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cơ bản có định hướng cụ thể, phù hợp với thực trạng của đơn vị, của địa phương qua từng giai đoạn được cấp quản lý phê duyệt và công khai đến đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Nhà trường thực hiện tốt việc giám sát, bổ sung, điều chỉnh kịp thời Phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường trong từng năm học. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, có sự tham gia đầy đủ các thành viên trong cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ.

3. Điểm yếu

Hình thức công khai Phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường chưa đa dạng, chưa công khai rộng rãi để cộng đồng xã hội cùng góp ý.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục động viên đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công để đảm bảo thực hiện đúng Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo từng giai đoạn. Hằng tháng, hằng quý nhà trường tập hợp cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rà soát, bổ sung, điều chỉnh khi có vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch. Trong năm học 2019-2020 nhà trường sẽ công khai Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trên trang thông tin điện tử (mnnhixuan.hcm.edu.vn) để tuyên truyền đến phụ huynh và cộng đồng xã hội nhằm tăng cường thiết lập mối quan hệ từ phía phụ huynh và các mạnh thường quân hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi để nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non Nhị Xuân thành lập Hội đồng trường gồm 11 thành viên. Chủ tịch Hội đồng trường bà Đỗ Thị Kim Tiến, thư ký bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang và các thành viên khác là những người đại diện tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, cán bộ quản lý, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng [H1-1.2-01]. Bên cạnh đó, nhà trường có các Hội đồng khác do Hiệu trưởng thành lập vào đầu năm học như: Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-02]; Hội đồng chấm sáng kiến [H1-1.2-03]; Hội đồng chấm giáo viên giỏi cấp trường [H1-1.2-04].

Hội đồng trường và Hội đồng khác thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và có trách nhiệm trong việc thực hiện Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; công tác huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực phát triển nhà trường; gắn kết nhà trường với cộng đồng và xã hội; bảo đảm thực hiện đúng theo kế hoạch năm học đã đề ra; phong trào thi đua nhà trường; chất lượng chuyên môn và đội ngũ giáo viên [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

Hội đồng trường họp thường kỳ hai lần trong một năm học để rà soát, đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện Quy chế dân chủ theo quy định [H1-1.2-01]. Các Hội đồng khác được họp vào cuối học kỳ I và cuối năm học nhằm giúp Hiệu trưởng rà soát đánh giá việc tổ chức tốt phong trào thi đua; chấm giáo viên giỏi; xét và công nhận sáng kiến; đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng trường và các Hội đồng khác còn triệu tập những phiên họp bất thường để giải quyết kịp những vấn đề phát sinh, cấp bách tại đơn vị [H1-1.1-05].

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường và các Hội đồng khác thực hiện có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ của nhà trường như: Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện Quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường không để xảy ra trường hợp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh thắc mắc, kiện thưa tố cáo nhà trường vi phạm quy chế dân chủ; tổ chức tốt phong trào thi đua khen thưởng, phát huy tính tích cực thực hiện tốt các phong trào trong đội ngũ; hỗ trợ nhà trường xây dựng đội ngũ giáo viên giỏi, chăm sáng kiến đúng thời gian quy định. Năm học 2018-2019, thành viên trong Hội đồng trường luôn có sự thay đổi (do điều chuyển nhân sự) nên công tác phối hợp kiểm tra, rà soát của các thành viên trong Hội đồng trường còn gặp nhiều khó khăn [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các Hội đồng khác được thành lập theo quy định đều thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, các hoạt động định kỳ đều được rà soát, đánh giá có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Điểm yếu

Năm học 2018-2019 thành viên Hội đồng trường có sự thay đổi nên ảnh hưởng đến công tác phối hợp kiểm tra của các thành viên trong Hội đồng trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Các thành viên trong các Hội đồng tiếp tục tham khảo tài liệu như: Nghị định, Thông tư, Văn bản... để thực hiện đúng vai trò chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định giúp nhà trường thực hiện tốt Kế hoạch năm học đã đề ra; thường xuyên tham dự các buổi họp định kỳ, bất thường do Hội đồng trường và các Hội đồng khác đề ra để nắm bắt, góp ý, nhận định tình hình hoạt động của nhà trường, kịp thời chấn chỉnh những sai phạm góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Trong năm học 2019-2020, hiệu trưởng tham mưu Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện ổn định nhân sự để các thành viên Hội đồng trường tiếp tục theo dõi năng lực của đội ngũ, tham mưu bổ sung nhân sự vào Hội đồng trường để kịp thời phối hợp kiểm tra, rà soát theo định kỳ được tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ

chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Công đoàn nhà trường được Ban chấp hành Công đoàn giáo dục và Đào tạo huyện hóc Môn ra Quyết định công nhận Ban chấp hành Công đoàn theo Quyết định số 244/QĐ-CDGD ngày 24 tháng 9 năm 2014, với 44 công đoàn viên [H1-1.3-01]; Chi đoàn trường được Ban chấp hành xã Đoàn Xuân Thới Sơn ra Quyết định chuẩn y Ban chấp hành chi đoàn theo quyết định số 39-QĐ/ĐTN ngày 10 tháng 7 năm 2018 với 08 đoàn viên [H1-1.3-02]; Ngoài ra còn có Hội Khuyến học [H1-1.3-03] và Hội Chữ thập đỏ [H1-1.3-04].

Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường hoạt động theo quy định như: Thực hiện đúng Nghị quyết, theo Điều lệ đã đề ra trong từng năm học, nhiệm kỳ, trên cơ sở tự nguyện, theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Hằng năm, hoạt động của các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường đều được rà soát, đánh giá kịp thời để chỉ đạo đội ngũ thực hiện đúng Nghị

quyết, Kế hoạch đã đề ra. Qua đó có kiến nghị, đề xuất và phối hợp với các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể và các tổ chức kinh tế - xã hội giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác tại đơn vị theo quy trình dân chủ, công khai, đúng nguyên tắc [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 2:

Chi bộ đảng có 11 đảng viên sinh hoạt trực thuộc Đảng ủy xã Xuân Thới Sơn ban hành Quyết định số 106-QĐ/ĐU ngày 26 tháng 7 năm 2017 về việc chuẩn y cấp ủy Chi bộ nhà trường gồm các chức danh: Bí thư bà Đỗ Thị Kim Tiến; phó Bí thư bà Trần Thị Thu Hường; Chi ủy viên bà Nguyễn Thu Hoà (tháng 05/2019 bà Nguyễn Thu Hoà được điều động về trường Mầm non Bông Sen). Chi bộ nhà trường luôn chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước; xây dựng chi bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; chấp hành đúng pháp luật và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; lãnh đạo đơn vị thực hiện nhiệm vụ giáo dục, quản lý và phân công công tác cho đảng viên; làm công tác vận động quần chúng và công tác phát triển đảng viên; thu, nộp đảng phí đúng quy định. Từ năm 2014 cho đến nay, Chi bộ được Đảng ủy Xuân Thới Sơn công nhận Chi bộ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-05].

Công đoàn tích cực đề ra phương hướng nhiệm vụ hoạt động của công đoàn; chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của đơn vị; tuyên truyền, vận động người lao động học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật [H1-1.3-01]. Chi đoàn trường tích cực chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích của đoàn viên; tổ chức các hoạt động, tạo môi trường giáo dục rèn luyện đoàn viên nhằm góp phần thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị [H1-1.3-02] ; Chi bộ lãnh đạo chính quyền, các đoàn thể làm tốt công tác Thanh niên, chăm lo xây dựng tổ chức Đoàn thể ở đơn vị [H1-1.3-05]. Hội khuyến học nhà trường luôn hỗ trợ tích cực cho việc dạy và học góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường, xây dựng xã hội học tập [H1-1.3-03]. Hội chữ thập đỏ thường xuyên tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên về kiến thức, biện pháp chăm sóc sức khỏe, phòng dịch bệnh cho bản thân, gia đình và trẻ; tuyên truyền các giá trị nhân đạo trong đội ngũ, nâng cao truyền thống nhân ái, tình thương yêu con người, tinh thần đoàn kết của tập thể [H1-1.3-04].

Mức 3:

Từ năm 2014 cho đến nay, Chi bộ luôn được Đảng ủy xã Xuân Thới Sơn công nhận Chi bộ tiêu biểu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được khen tặng chi bộ

đạt thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở và nhiều năm liền đạt điển hình dân vận khéo; đã có nhiều cố gắng trong học tập và làm theo đạo đức Hồ Chí Minh [H1-1.3-05].

Các đoàn thể, tổ chức khác trong những năm học qua đã đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng được các cấp lãnh đạo công nhận tuy nhiên hình thức sinh hoạt của Hội Khuyến học và Chữ thập đỏ chưa phong phú [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-4].

2. Điểm mạnh

Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn, Chi Hội khuyến học, Hội chữ thập đỏ nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng theo quy định. Các đoàn thể, tổ chức khác có nhiều đóng góp tích cực và hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Trong 05 năm liên tiếp, Chi bộ luôn được Đảng ủy xã Xuân Thới Sơn công nhận Chi bộ tiêu biểu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Hằng năm, các hoạt động của Công đoàn, Chi đoàn, Chi Hội khuyến học, Hội chữ thập đỏ đều được rà soát, đánh giá để thực hiện đúng theo nghị quyết và kế hoạch đã đề ra.

3. Điểm yếu

Chi Hội khuyến học, Hội chữ thập đỏ chưa có các hình thức sinh hoạt phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019-2020, Cấp ủy chi bộ, Ban chấp hành Công đoàn, Chi đoàn, Chi hội trưởng ...tiếp tục chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng cho đội ngũ. Các tổ chức Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn, Hội khuyến học, Hội chữ thập đỏ tuyên truyền thường xuyên qua kênh thông tin như: Loa phát thanh, trên trang Web của trường để nhận được sự hỗ trợ từ phía phụ huynh, mạnh thường quân, tổ chức ngoài nhà trường các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi để đem lại hiệu quả trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non Nhị Xuân được Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn công nhận trường hạng 1 với cơ cấu một hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng. Hiệu trưởng được bổ nhiệm tháng 08 năm 2005 [H1-1-01-01]; phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục được bổ nhiệm tháng 08/2008, đến tháng 10 năm 2018 nghỉ hưu [H1-1.4-02], phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng được bổ nhiệm tháng 09/2016, tháng 05 năm 2019 được điều động về công tác tại trường Mầm non Bông Sen . Trường có công văn số 17/CV-MNNX ngày 02 tháng 01 năm 2019 về đề nghị bổ sung phó hiệu trưởng [H1-1.4-03].

Trường có 05 tổ chuyên môn: Tổ nhà trẻ gồm 05 giáo viên; tổ 3-4 tuổi gồm 06 giáo viên; tổ 4-5 tuổi gồm 06 giáo viên; tổ 5-6 tuổi gồm 08 giáo viên; tổ cấp dưỡng gồm 06 người; tổ văn phòng gồm 13 người trong đó: 03 cán bộ quản lý, 01 nhân viên y tế, 01 kế toán, 01 nhân viên thủ quỹ, 01 nhân viên văn thư, 03 nhân viên bảo vệ, 03 nhân viên phục vụ, đến tháng 10 năm 2019 tổ văn phòng còn 12 người [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05].

Hằng năm, các tổ chuyên môn thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, đánh giá chất lượng hiệu quả công tác nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác theo Chương trình giáo dục mầm non, sinh hoạt định kỳ 02 lần/tháng, riêng tổ văn phòng và tổ cấp dưỡng sinh hoạt 01 lần/tháng. Các tổ trưởng tham gia đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, tham gia hội đồng thi đua để bình xét thi đua hằng tháng, học kỳ, cuối năm và các khen thưởng đột

xuất của nhà trường. Tổ văn phòng giúp hiệu trưởng quản lý, kiểm kê tài sản, đồ dùng đồ chơi, tài chính và lưu giữ hồ sơ [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07].

Mức 2:

Năm học 2018-2019, tổ chuyên môn chưa đề xuất chuyên đề chỉ thực hiện 04 chuyên đề do nhà trường phân công đem lại hiệu quả giáo dục, nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại đơn vị, tổ văn phòng chưa lên kế hoạch đề xuất chuyên đề trong các năm học vừa qua [H1-1.4-08].

Hằng tháng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức họp định kỳ. Qua các buổi họp tổ chuyên môn và tổ văn phòng luôn rà soát đánh giá, điều chỉnh các hoạt động trong tổ cho phù hợp với tình hình thực tế; điều chỉnh bổ sung hoạt động khi có sự thay đổi từ Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn; tổ trưởng có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn khi tổ viên chưa nắm vững phương pháp tổ chức các hoạt động... đem lại hiệu quả trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H1-1.1-04]; [H1-1.1-09].

Mức 3:

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức sinh hoạt định kỳ: Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn phong phú, đa dạng giúp kỹ năng sư phạm của giáo viên được nâng lên. Tổ chức tốt giờ thao giảng cho giáo viên tham dự rút kinh nghiệm trong giảng dạy, cấp dưỡng và giáo viên phối hợp thực hiện tốt chuyên đề nâng cao hiệu quả bữa ăn cho trẻ [H1-1.1-04]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-08].

Các hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường được cán bộ quản lý, Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá cao về chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ tuy nhiên chưa được chọn làm chuyên đề cấp huyện để đội ngũ giáo viên, đội ngũ cán bộ quản lý các trường trong huyện tham gia học tập [H1-1.4-08].

2. Điểm mạnh

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức, sinh hoạt định kỳ, rà soát đánh giá, điều chỉnh các hoạt động của tổ theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động, thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định, đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường thiếu 01 phó hiệu trưởng, tổ văn phòng và tổ cấp dưỡng sinh hoạt 01 lần/ tháng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục phát huy vai trò của tổ trưởng chuyên môn trong việc đánh giá, xếp loại giáo viên làm tiền đề nâng cao năng lực chuyên môn của tổ.

Năm học 2019-2020, cán bộ quản lý nhà trường tạo điều kiện cho tổ trưởng chuyên môn tham quan, học tập trường bạn để nhân rộng chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Hiệu trưởng chỉ đạo tổ văn phòng, tổ cấp dưỡng họp 02 lần/tháng nhằm nhận định những khó khăn trong hoạt động của tổ qua đó lên kế hoạch xây dựng chuyên đề cho các thành viên trong tổ học tập, tổ chuyên môn đề xuất ít nhất 01 chuyên đề trong năm học. Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn bổ sung phó hiệu trưởng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 02 nhóm trẻ và 10 lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi đúng theo quy định: 01 nhóm 13-24 tháng tuổi, 01 nhóm 25-36 tháng tuổi, 03 lớp 3-4 tuổi; 03 lớp 4-5 tuổi; 04 lớp 5-6 tuổi. Nhà trường không có trẻ học lớp ghép và trẻ học lớp sai độ tuổi [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Năm học 2018-2019 100% trẻ ở nhóm nhà trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học hai buổi trên ngày đúng theo quy định [H1-1.5-01].

Trong 05 năm học vừa qua trường không có trẻ bị khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 2:

Trong năm học 2018-2019, nhà trường nhận trẻ đúng theo Kế hoạch số 2183/KH-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc tuyển sinh năm học 2018-2019. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch số 70/KH-MNNX ngày 22 tháng 6 năm 2018 huy động trẻ ra lớp. Do tình hình chung về tăng dân số cơ học nên số trẻ thu nhận cao so với quy định như: 01 nhóm 13-24 tháng tuổi có 20 trẻ, 01 nhóm 25-36 tháng tuổi: 45 trẻ (vượt 20 trẻ), 03 lớp 3-4 tuổi: 105 trẻ (vượt 10 trẻ/lớp); 03 lớp 4-5 tuổi: 110 trẻ (vượt 07 trẻ/lớp); 04 lớp 5-6 tuổi: 154 trẻ (vượt 03 trẻ/lớp) [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Mức 3:

Nhà trường có 12 nhóm, lớp không vượt quá 20 nhóm lớp [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Trường có các nhóm trẻ, các lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi và được tổ chức học hai buổi trên ngày. Nhà trường có số nhóm, lớp đảm bảo không vượt quá 20 nhóm, lớp theo quy định.

3. Điểm yếu

Số trẻ ở các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo cao hơn so với quy định từ 03 trẻ đến 20 trẻ trên nhóm, lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường thực hiện đúng theo kế hoạch tuyển sinh của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn tiếp nhận và phân chia trẻ đúng độ tuổi theo quy định. Năm học 2019-2020 giảm số trẻ quy định trong kế hoạch tuyển sinh để đáp ứng với số lượng trẻ trên nhóm lớp theo quy định, tiếp nhận trẻ khuyết tật khi phụ huynh có nhu cầu gửi trẻ đồng thời triển khai tài liệu hướng dẫn giáo viên kiến thức về trẻ khuyết tật để trao đổi với phụ huynh cho trẻ thăm khám ở các trung tâm giám định để có biện pháp can thiệp sớm giúp trẻ có cơ hội phát triển bản thân.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định quy

chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhân viên văn thư thực hiện nghiêm túc việc lưu trữ các văn bản chỉ đạo của cấp trên như: văn bản của Chính phủ, văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT và các Bộ có liên quan đến giáo dục mầm non, các văn bản chỉ đạo của Sở GD&ĐT, văn bản chỉ đạo của UBND và Phòng GD&ĐT huyện Hóc Môn. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định luôn đáp ứng các tiêu chuẩn về dữ liệu thông tin đầu vào, bảo đảm tính kế thừa, tính thống nhất, độ xác thực, an toàn và khả năng truy cập, được bảo quản và sử dụng theo phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ không để xảy ra tình trạng mất mát, thất lạc hồ sơ [H1-1.6-01].

Trong những năm học qua, nhà trường có lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng theo quy định của Luật ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002 của Quốc hội; Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17 tháng 6 năm 2003 [H1-1.4-07]. Hằng năm, nhà trường có công khai tài chính cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và phụ huynh tại các buổi họp hội đồng, họp phụ huynh, bảng thông tin nhà trường để nắm bắt về tình hình tài chính, chế độ thu chi [H1-1.6-02]. Hằng tháng nhà trường có kiểm tra tài chính, định kỳ kiểm tra tài sản theo quy định trong quá trình kiểm tra, nếu có vấn đề phát sinh, bộ phận kế toán trình Hiệu trưởng, để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp và chính xác [H1-1.6-03].

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục; thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành như: Lương, các khoản phụ cấp, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn; kiểm kê tài sản hàng năm, kê khai tăng giảm tài sản trong sổ sách và lên kế hoạch từng bước trang bị, mua sắm trang thiết bị trong danh mục, ngoài danh mục để bổ sung [H1-1.6-04].

Mức 2:

Nhà trường luôn ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: Sử dụng phần mềm Imas để quản lý tài chính], phần mềm theo dõi quản lý tài sản ... tuy nhiên trong phần mềm quản lý tài chính chưa tổng hợp được tiểu mục chi của các nguồn thu nên kế toán nhà trường còn mất nhiều thời gian trong việc tổng hợp và báo cáo tài chính [H1-1.6-05].

Hằng năm, nhà trường luôn được Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 12 kiểm tra về việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Kết quả kiểm tra cho thấy nhà trường không có dấu hiệu vi phạm trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.6-02].

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế của địa phương. Kế hoạch luôn phản ánh đầy đủ các chi tiết của các nguồn thu, mức thu phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao, chế độ tài chính theo quy định. Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra nguồn tài chính hợp pháp và phù hợp [H1-1.4-07]; [H1-1.6-04].

2. Điểm mạnh

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định. Trường có lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Đội ngũ kế toán, cán bộ quản lý ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản, không có dấu hiệu vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Hiệu trưởng có kế hoạch ngắn hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế của địa phương; kế hoạch luôn phản ánh đầy đủ

các chi tiết của các nguồn thu, mức thu phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao và chế độ tài chính theo quy định.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục kiểm tra giám sát hằng tháng, hằng quý và cuối năm học để hệ thống hồ sơ được lưu trữ hồ sơ kế toán đúng theo quy định mang lại hiệu quả trong công tác quản lý. Năm học 2019-2020 hiệu trưởng xây dựng Kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch năm học [H1-1.1-03], kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên [H1-1.4-09], hiệu trưởng xây dựng kế hoạch chuyên đề bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên, nhân viên nhằm nâng cao tay nghề chuyên môn nghiệp vụ để nâng chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; cử cán bộ, giáo viên, nhân viên học các lớp bồi dưỡng do Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức [H1-1.7-01]. Hằng năm hiệu trưởng xây dựng kế hoạch quy hoạch cán bộ quản lý kế cận theo đúng quy trình hướng dẫn của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn [H1-1.7-02]

Hiệu trưởng phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý đúng người, đúng việc, phù hợp năng lực chuyên môn, sở trường kinh nghiệm trong công tác mang lại hiệu quả hoạt động của nhà trường như: Giáo viên trẻ, giáo viên mới ra trường được bố trí làm việc chung với giáo viên vững chuyên môn để hỗ trợ; giáo viên lớn tuổi có nhiều kinh nghiệm trong việc chăm sóc trẻ được bố trí giảng dạy nhóm nhỏ để phụ huynh yên tâm gửi con [H1-1.4-04]; [H1-1.7-03].

Giáo viên được nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ như: được tham gia giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm về đổi mới phương pháp giảng dạy theo Chương trình GDMN giữa các trường công lập trong huyện, được tham gia các lớp học nâng cao. Hằng năm giáo viên tham gia lớp học trung cấp chính trị, học lớp bồi dưỡng hiệu trưởng, lớp bồi dưỡng tổ trưởng chuyên môn... [H1-1.7-01]. Giáo viên được hưởng đầy đủ, kịp thời lương, các loại phụ cấp theo quy định hiện hành, được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, được đối xử công bằng dân chủ trong công việc thực hiện chế độ, chính sách, quyền lợi và nghĩa vụ của giáo viên [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường có các biện pháp để bồi dưỡng năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường như: Tham gia học các lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, các lớp học nâng cao, tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, thực hiện các chuyên đề cấp trường đã phát huy được tính tự giác, tính tích cực, tính sáng tạo của đội ngũ. Đổi mới phương pháp trên cơ sở sử dụng và khai thác khả năng các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại, cách thức kiểm tra - đánh giá trong đào tạo, bồi dưỡng... để xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.7-06].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Hiệu trưởng phân công cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phù hợp, đúng năng lực chuyên môn, sở trường công tác mang lại hiệu quả hoạt động của nhà trường. Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định đối với người lao động tại đơn vị; Trường có đổi mới hình thức tổ chức bồi dưỡng, kiểm tra, đánh giá giáo viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trẻ

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có biện pháp để phát huy tính độc lập của giáo viên mới ra trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020, cán bộ quản lý tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ theo kế hoạch đã đề ra; thường xuyên quan tâm, nắm bắt kịp thời năng lực chuyên môn của đội ngũ để phân công sử dụng nhân sự đúng người đúng việc, phù hợp năng lực chuyên môn, sở trường công tác để đảm bảo hiệu quả hoạt động chăm sóc và giáo dục của nhà trường. Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng văn phòng xây dựng kế hoạch, đề ra biện pháp để phát huy tính tự giác, tính sáng tạo, tính tích cực học tập của đội ngũ giáo viên, nhân viên. Tổ chức cho giáo viên trẻ, giáo viên mới ra trường tham gia các phong trào, các hội thi, các hoạt động tập thể, xây dựng các trò chơi... để tập tính độc lập phát huy tố chất năng lực của cá nhân.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch năm học nhà trường đều được góp ý xây dựng trong liên tịch và lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo trước khi triển khai đến đội ngũ [H1-1.1-03]. Giáo viên căn cứ Thông tư 28/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; căn cứ kế hoạch 1033/KH-GDĐT-MN ngày 05 tháng 9 năm 2018 kế hoạch giáo dục năm học mầm non năm học 2018-2019 của phòng Giáo dục

và Đào tạo; căn cứ cơ sở vật chất, nguồn lực, đặc điểm tâm sinh lý của học sinh để xây dựng kế hoạch giáo dục cho phù hợp tình hình thực tế [H1-1.8-01].

Kế hoạch giáo dục của giáo viên được thực hiện đầy đủ các nội dung như: Kế hoạch năm, kế hoạch tháng, kế hoạch ngày và được thực hiện đầy đủ các nội dung giáo dục, mục tiêu giáo dục có sự thống nhất, xuyên suốt, logic trong quá trình thực hiện [H1-1.8-01].

Kế hoạch giáo dục của giáo viên được cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời theo tuần, tháng, cuối học kỳ và cuối năm học. Hằng tuần, giáo viên đều nộp kế hoạch giáo dục nhóm, lớp cho tổ trưởng chuyên môn, hiệu trưởng kiểm tra đánh giá trên mạng nội bộ nhằm giúp giáo viên có sự điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp tình hình thực tế tại lớp [H1-1.8-01]. Hằng tháng giáo viên theo dõi, kiểm tra kỹ năng thực tế của trẻ ở các nhóm, lớp giúp trẻ hoàn chỉnh kỹ năng theo độ tuổi [H1-1.8-02].

Mức 2:

Năm học 2018-2019 hiệu trưởng có nhiều đổi mới về phương pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao. Nhà trường thiếu phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục hiệu trưởng kiêm nhiệm phụ trách mảng giáo dục đôi lúc chưa sâu sát trong kiểm tra kế hoạch giáo dục của giáo viên [H1-1.4-08].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, cán bộ quản lý và giáo viên căn cứ vào Thông tư, kế hoạch năm học của ngành học mầm non, tình hình thực tế của nhà trường, đặc điểm tâm sinh lý của trẻ để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp, giúp trẻ phát triển toàn diện các lĩnh vực, được đánh giá cao trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục của lớp theo nội dung Chương trình được quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BDGDĐT, đảm bảo tính khoa học và tính logic. Định kỳ hằng tháng hiệu trưởng kiểm tra kế hoạch để góp ý, điều chỉnh theo giai đoạn kịp thời.

3. Điểm yếu

Trường thiếu phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục, hiệu trưởng kiêm nhiệm đôi lúc chưa sâu sát trong kiểm tra để điều chỉnh kế hoạch giáo dục của giáo viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Những năm học tiếp theo, hiệu trưởng hỗ trợ phó hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn trong công tác kiểm tra, đánh giá và chỉ đạo giáo viên thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch đã đề ra để đem lại hiệu quả. Nhà trường xây dựng kế

hoạch năm học phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương, điều kiện của nhà trường và thường xuyên rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung để phát huy những mặt đã thực hiện tốt.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trực tiếp, hoặc thông qua người đại diện (Công đoàn, Chi đoàn, tổ trưởng...) Kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế như: Thống nhất biện pháp thực hiện, các chỉ tiêu phấn đấu; lề lối làm việc, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống quan liêu; chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức; tham gia góp ý kiến các phong trào thi đua đúng theo quy định tại Nghị định 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập [H1-1.1-06].

Hằng ngày, cán bộ quản lý trực ban giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong nhà trường tuy nhiên cũng còn vài trường hợp góp ý giáo viên trong quá trình giao tiếp với phụ huynh. Hằng tháng, hiệu trưởng tổ chức những buổi đối thoại trực tiếp qua các buổi họp hội đồng sư phạm để tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và phụ huynh về việc thực hiện quy chế dân chủ và các nội dung liên quan đến công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tại đơn vị. Trong những năm qua nhà trường không có tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo nào [H1-1.9-01].

Hằng năm, nhà trường thực hiện chế độ báo cáo Quy chế dân chủ cơ sở chính xác, đúng thời gian quy định đến Phòng Giáo dục và Đào tạo. Trong Hội nghị cán bộ, công nhân, viên chức hằng năm Hiệu trưởng đều thông qua báo cáo việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở của năm học trước và Phương hướng, nhiệm vụ thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở cho năm học tiếp theo đến đội ngũ đúng quy định [H1-1.9-02].

Mức 2:

Hằng năm, hiệu trưởng thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường luôn được công khai minh bạch tại Hội nghị cán bộ công chức, thông qua các buổi họp, niêm yết tại bảng tin trường, bảng tin của công đoàn. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát cá nhân, các tổ khối...với nhiều hình thức như: Trực tiếp, gián tiếp đã giúp nhà trường đánh giá đúng tình hình triển khai, thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng, Pháp luật của Nhà nước; nhận ra những mặt đạt được, những hạn chế, khó khăn vướng mắc; nguyên nhân và bài học kinh nghiệm; những mô hình hay, cách làm tốt để nhân rộng đem lại hiệu quả cao trong việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong nhà trường [H1-1.9-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở đúng theo quy định tại Nghị định 04/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 01 năm 2015 về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường đều được giải quyết đúng pháp luật. Hằng năm, nhà trường thực hiện chế độ báo cáo quy chế dân chủ cơ sở với các cấp lãnh đạo đúng theo quy định. Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, đem lại hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên trong giao tiếp với phụ huynh chưa được tế nhị nên cũng còn bị phụ huynh góp ý xây dựng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019-2020, hiệu trưởng tiếp tục thực hiện đúng trách nhiệm của người đứng đầu trong việc triển khai Quy chế dân chủ cơ sở, phát huy quyền làm chủ của đội ngũ với phương châm “Được biết, được bàn, được tham gia ý kiến, được giám sát, kiểm tra, được đảm bảo chế độ chính sách”. Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể luôn theo sát hội viên, đoàn viên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng

chính đáng để kịp thời giải quyết thỏa đáng những thắc mắc của người lao động, thực hiện công khai minh bạch chế độ chính sách, hoạt động của đơn vị theo quy định hiện hành, tuyên truyền vận động giáo viên, nhân viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lắng nghe giải quyết các thắc mắc của phụ huynh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường xây dựng Phương án và Quy chế phối hợp với công an xã Xuân Thới Sơn về việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học [H1-1.10-01]; Kế hoạch và phương án đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; Kế hoạch và phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; xây dựng Phương án an toàn phòng chống cháy, nổ [H1-1.10-04]; Kế hoạch phòng chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; Phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống

bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07]. Nhà trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ và được ký cam kết với Sở y tế Thành phố công nhận bếp ăn đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-02].

Trường có hộp thư góp ý được đặt trước cổng trường, đường dây nóng 028.37139403, trang web www.mamnonnhixuan.edu.vn để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân. Nhà trường luôn phối hợp với bộ phận bảo vệ, Công an xã, các đoàn thể, phụ huynh đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [H1-1.10-01].

Nhà trường không có tình trạng phản ánh từ phụ huynh, lãnh đạo, người dân về tình trạng kỳ thị đối với giáo viên, trẻ có hoàn cảnh khó khăn... không có hành vi bạo lực giữa giáo viên với trẻ, giữa trẻ với trẻ; không vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.1-04].

Mức 2:

Hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ luôn được phổ biến, hướng dẫn thực hiện Phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; an toàn phòng, chống cháy nổ [H1-1.10-04]; phòng chống thiên tai, thảm họa [H1-1.10-05]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, đánh giá, thu thập, xử lý các thông tin có biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.9-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng các phương án, triển khai và tổ chức tập huấn cho đội ngũ các kế hoạch như: Đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; phòng chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; bếp ăn ký cam kết với Sở y tế Thành phố chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng, trang web để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới và luôn đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường. Thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa xây dựng và triển khai thực hiện Phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai cho đội ngũ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt các phương án: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; Vệ sinh an toàn thực phẩm; An toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; An toàn phòng, chống cháy, nổ; Phòng, chống dịch bệnh; Phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; Tổ chức bữa ăn cho trẻ đủ điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm. Tiếp nhận kịp thời, xử lý tốt các thông tin phản ánh của người dân để đảm bảo an toàn cho cán bộ, quản lý, giáo viên và trẻ. Tháng 9/2019, Hiệu trưởng xây dựng Phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai cho đội ngũ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật

Cơ cấu tổ chức nhà trường thực hiện đúng theo Điều lệ trường mầm non, CB-GV-NV chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục các cấp, thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành GD&ĐT phát động. CBQL thực hiện nghiêm túc đầy đủ các kế hoạch, hoạt động phong trào, xây dựng các hoạt động cho trẻ nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục. CB-GV-NV phát huy năng lực quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát giúp nhà trường quản lý tốt tài sản, giữ vững an ninh trật tự trong trường học. Đảm bảo chế độ công khai dân chủ, minh bạch rõ ràng về tài chính và nhận xét đánh giá CBQL đương chức và đề bạt CBQL kế cận đúng theo quy định của ngành.

Điểm yếu cơ bản

Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, tình hình thực tế tại địa phương. Sĩ số học sinh trong năm học vượt mức quy định từ 2 đến 20 trẻ/lớp. Trường thiếu 01 phó hiệu trưởng phụ trách mảng giáo dục nên ảnh hưởng đến việc chỉ đạo, kiểm tra kế hoạch giáo dục của giáo viên. Một vài giáo viên chưa khéo léo, tế nhị trong giao tiếp với phụ huynh

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý giáo viên nhân viên

Mở đầu:

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ số lượng và đạt yêu cầu về trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ theo quy định. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức, có năng lực trong công tác quản lý, giảng dạy và luôn được đánh giá Chuẩn nghề nghiệp.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng có thời gian công tác trong ngành giáo dục mầm non 31 năm trong đó 14 năm làm giáo viên, 03 năm làm phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục và 14 năm làm công tác hiệu trưởng. Hiệu trưởng đã tốt nghiệp Cử nhân Đại học sư phạm mầm non, Cử nhân Quản lý giáo dục, tham gia lớp chuyên viên và có bằng Trung cấp lý luận chính trị [H1-1.4-01]. Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục có thời gian công tác trong ngành giáo dục mầm non 35 năm trong đó 24 năm làm giáo viên, 11 năm làm công tác quản lý. Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng có thời gian công tác trong ngành giáo dục mầm non 17 năm trong đó 23 năm làm giáo viên 10 năm làm công tác quản lý, đã tốt nghiệp Cử nhân sư phạm mầm non, lớp bồi dưỡng hiệu trưởng trường mầm non và có bằng Trung cấp lý luận chính trị [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

Hàng năm, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được cán bộ, giáo viên, nhân viên đánh giá đạt Chuẩn hiệu trưởng theo quy định [H2-2.1-01].

Hiệu trưởng hoàn thành lớp cử nhân quản lý giáo dục, phó hiệu trưởng đã hoàn thành khóa học bồi dưỡng Hiệu trưởng trường mầm non. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đã tham gia lớp bồi dưỡng chuyên viên [H1-1.4-01]; [H11-1.4-03].

Mức 2:

Từ năm học 2014-2015 đến năm học 2017-2018 hiệu trưởng được Trường phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá chuẩn hiệu trưởng đạt loại Xuất sắc và hai phó hiệu trưởng được hiệu trưởng đánh giá đạt loại Xuất sắc. Năm học 2018-2019 hiệu trưởng được Trường phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá chuẩn hiệu trưởng đạt loại khá [H1-2.1-01].

Cán bộ quản lý được tham gia các lớp bồi dưỡng chính trị hè, các lớp học Nghị quyết, được tập huấn về lý luận chính trị do ban Tuyên giáo huyện ủy tổ chức theo định kỳ, hằng năm để giúp đội ngũ cán bộ quản lý nhận thức rõ các quan điểm cốt lõi trong công tác xây dựng Đảng, giúp cán bộ quản lý kịp thời ngăn chặn và đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện diễn biến tự chuyển hóa của bản thân và đội ngũ. Trong quá trình công tác, nhiều năm liền cán bộ quản lý được đội ngũ giáo viên, nhân viên nhà trường tín nhiệm cao về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý [H2-2.1-02].

Mức 3:

Từ năm 2014-2015 cho đến nay hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được 04 năm đánh giá Chuẩn hiệu trưởng đạt loại xuất sắc [H1-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng nhà trường đạt về chuẩn trình độ đào tạo theo quy định, luôn có tinh thần học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ quản lý, được bồi dưỡng đánh giá chuẩn nghề nghiệp hằng năm đạt loại xuất sắc, luôn được giáo viên và nhân viên tín nhiệm cao trong công tác quản lý.

3. Điểm yếu

Hai phó Hiệu trưởng nhà trường chưa tham gia học lớp nâng cao trình độ cử nhân quản lý giáo dục. Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục có bằng Cao đẳng sư phạm mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tạo điều kiện cho phó hiệu trưởng tham gia học nâng chuẩn trình độ quản lý giáo dục tại trường Đại học Sài Gòn.

Cán bộ quản lý luôn tự học tập để củng cố nâng cao kiến thức đáp ứng yêu cầu công việc quản lý chăm sóc giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2018-2019 có 24 giáo viên, nhà trường đã hợp đồng thêm 02 giáo viên để phân bổ hợp lý 2.2 giáo viên đối với lớp mẫu giáo; 2.5 giáo viên

đối với nhóm nhà trẻ; trường có xây dựng kế hoạch tuyển dụng giáo viên bổ sung đủ giáo viên theo quy định [H1-1.7-03]; [H2-2.2-01].

100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định Điều lệ trường mầm non: 19 giáo viên trình độ Đại học Sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 73.08%, 07 giáo viên trình độ Cao đẳng Sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 26.92%, [H2-2.2-02].

Nhà trường có 100% giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H2-2.2-03].

Mức 2:

Trong 05 năm trình độ giáo viên được duy trì ổn định và tăng dần theo các năm [H2-2.2-02], cụ thể :

Năm học	Tổng số giáo viên	Trung cấp sư phạm mầm non		Cao đẳng sư phạm mầm non		Đại học sư phạm mầm non	
		Số giáo viên	Tỷ lệ %	Số giáo viên	Tỷ lệ %	Số giáo viên	Tỷ lệ %
2014-2015	29	04	13.79	18	62.07	07	24.14
2015-2016	29	04	13.79	17	58.62	08	27.59
2016-2017	27	01	3.70	16	59.26	10	37.04
2017-2018	24	01	4.17	8	33.33	15	62.5
2018-2019	26	0	0	7	24.14	19	73.08

Hằng năm, nhà trường đều tổ chức đánh giá giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, kết quả như sau [H2-2.2-03]:

Năm học	Tổng số giáo viên	Mức đạt		Mức khá		Mức tốt	
		Số giáo viên	Tỷ lệ %	Số giáo viên	Tỷ lệ %	Số giáo viên	Tỷ lệ %
2014-2015	29	0	0	16	55.17	13	44.83
2015-2016	29	0	0	17	58.62	12	41.38
2016-2017	29	0	0	18	66.67	9	33.33
2017-2018	24	0	0	10	41.67	14	58.33
2018-2019	26	2	7.69	24	92.31	0	0

Tập thể giáo viên nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc nội quy, quy định của ngành, của đơn vị và nhiệm vụ được giao. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.1-02]; [H2-2.2-04].

Mức 3:

Trong năm học 2018-2019, nhà trường có 26/26 giáo viên đạt tỷ lệ 100% trên chuẩn trình độ đào tạo [H2-2.2-02].

Từ năm học 2014-2015 đến năm học 2017-2018 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá đạt tỷ lệ từ 41.67% đến 66.67%, ở mức tốt từ 41.38% đến 58.33%; năm học 2018-2019 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt 7.69%, ở mức khá 92.31%, không có giáo viên đạt mức tốt [H2-2.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đội ngũ giáo viên đảm bảo về số lượng và cơ cấu hợp lý để thực hiện tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Trình độ giáo viên trong trường luôn duy trì và đạt tỷ lệ 100% trên chuẩn. Đội ngũ giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên hằng năm đạt kết quả cao, luôn được phụ huynh tin yêu và không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu

Năm học 2018-2019, không có giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục tuyển dụng giáo viên đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư 71/2007/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2007. Cán bộ quản lý tiếp tục bồi dưỡng và tạo điều kiện giáo viên tham gia các lớp học và phát huy các lĩnh vực nghề nghiệp đạt chuẩn nghề nghiệp ít nhất 30% đạt mức tốt.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 16 nhân viên gồm: 01 kế toán, 01 y tế, 01 văn thư, 01 thủ quỹ, 03 bảo vệ, 03 phục vụ, 06 cấp dưỡng đảm bảo đúng định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.4-04]; [H1-1.7-03].

Đầu năm học, hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cho nhân viên phù hợp với chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực tế của từng người [H1-1.4-04]; [H2-2.2-02].

Hằng năm, nhân viên nhà trường đều hoàn thành các nhiệm vụ và được đánh giá xếp loại theo tháng, học kỳ, năm học. Cuối năm học nhà trường có đánh giá xếp loại viên chức không trực tiếp giảng dạy, 100% nhân viên đều đạt từ khá trở lên [H2-2.1-02].

Mức 2:

Nhà trường sử dụng 04 nhân viên gồm 03 biên chế và 01 hợp đồng dài hạn phụ trách công tác kế toán, thủ quỹ, y tế và văn thư; 03 bảo vệ trong đó có 01 hợp đồng 68, 01 hợp đồng dài hạn và 01 hợp đồng khoán; 06 nhân viên cấp dưỡng trong đó 02 hợp đồng dài hạn, 04 hợp đồng khoán; 03 nhân viên phục vụ trong đó 01 hợp đồng 68 và 02 hợp đồng khoán [H1-1.7-03].

Từ năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.1-02]; [H2-2.2-04].

Mức 3:

Nhân viên trong nhà trường có trình độ đào tạo ứng với vị trí việc làm: 01 nhân viên kế toán có bằng đại học kế toán, 01 nhân viên thủ quỹ có bằng Cao đẳng kế toán, 01 nhân viên y tế có bằng trung cấp y sỹ, 01 nhân viên văn thư có

bằng trung cấp kế toán và tham gia các lớp bồi dưỡng văn thư ngắn hạn do Phòng Giáo dục tổ chức, 01 nhân viên cấp dưỡng có bằng trung cấp nấu ăn, 04 nhân viên cấp dưỡng có bằng sơ cấp nấu ăn, 01 nhân viên cấp dưỡng đang theo học lớp sơ cấp nấu ăn, 03 nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng nghiệp vụ hằng năm [H1-1.7-03]; [H2-2.2-02].

Hằng năm, bộ phận nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm như: Tập huấn công tác văn thư lưu trữ, tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm, tập huấn sơ cấp cứu, tập huấn mất học đường, tập huấn truyền thông giáo dục sức khỏe, tập huấn nghiệp vụ bảo vệ... [H2-2.3-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên đáp ứng nhu cầu chăm sóc giáo dục trẻ được hiệu trưởng phân công phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ và năng lực cá nhân; nhân viên luôn hoàn thành công việc được giao và không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

3. Điểm yếu

Nhân viên văn thư nên chưa có chứng chỉ nghiệp vụ văn thư lưu trữ; 01 nhân viên cấp dưỡng chưa có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020, hiệu trưởng tạo điều kiện cho nhân viên cấp dưỡng tham gia khóa học nấu ăn; tạo điều kiện bồi dưỡng nhân viên văn thư trong công tác lưu trữ văn bản, hướng dẫn cách lưu công văn đi và đến trên phần mềm để tiết kiệm về thời gian, lưu trữ văn bản khoa học. Cán bộ quản lý tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh khi đội ngũ nhân viên không hoàn thành công việc, đồng thời khen thưởng những cá nhân có sáng kiến hay, hoàn thành tốt công việc được giao.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật

Hiệu trưởng, giáo viên được cơ cấu đủ số lượng, đảm bảo thực hiện tốt việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Hằng năm được đánh giá Chuẩn nghề nghiệp từ loại khá trở lên.

Số lượng nhân viên của nhà trường đủ theo quy định, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, các nhân viên khác được tham gia học bồi dưỡng qua các lớp chuyên môn, nghiệp vụ theo đề án vị trí việc làm.

Điểm yếu cơ bản

01 nhân viên cấp dưỡng chưa có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ nấu ăn. Nhân viên văn thư chưa có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư lưu trữ, thiếu 01 phó hiệu trưởng.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Nhà trường có tổng diện tích là 4.907m², khuôn viên trường có diện tích rộng với tường rào bao quanh, khu vực sân chơi có nhiều đồ dùng đồ chơi, cây xanh, cây kiểng, nhiều mảng xanh tạo cảnh quan đẹp đáp ứng nhu cầu cho trẻ vận động, vui chơi, hoạt động. Các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố, đảm bảo yêu cầu về thiết kế theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Trường, lớp sạch sẽ thoáng mát, có đủ ánh sáng, bàn ghế phù hợp lứa tuổi và được trang bị đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị theo hướng hiện đại, tiện ích, an toàn theo quy định.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

- a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sân xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;
- b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;
- c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

- a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;
- b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;
- c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có)

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổng diện tích đất 4.907m² đủ diện tích theo như quy định để 434 trẻ đến trường được học tập, sinh hoạt, vui chơi rộng rãi và thoải mái, đảm bảo bình quân 11,30m²/1trẻ đáp ứng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 [H3-3.1-01].

Trường mầm non Nhị Xuân có cổng trường được thiết kế kiên cố với bảng tên trường to đẹp cùng với thông tin về địa chỉ, số điện thoại đáp ứng nhu cầu của mọi người khi muốn tìm kiếm hoặc nắm bắt thông tin về trường. Phía trước cổng trường được thiết kế hàng rào chắn, xung quanh khu vực trường học được ngăn cách bằng tường gạch kiên cố với chiều cao 2,2m bao quanh toàn bộ khuôn viên nhà trường, đảm bảo về tài sản và an toàn cho trẻ. Hằng ngày, khuôn viên trường luôn được vệ sinh sạch sẽ, các mảng xanh luôn được chăm sóc, bố trí cảnh quan hợp lý tạo mảng không gian thoáng đãng, hài hòa, thân thiện và an toàn cho trẻ khi tham gia hoạt động [H3-3.1-02].

Nhà trường có diện tích 2.581m² sử dụng làm sân chơi cho trẻ. Sân chơi được phân chia, bố trí thành nhiều khu vực chơi cụ thể: sân chơi dân gian; sân vận động tập thể; sân chơi với các đồ chơi vận động; sân chơi an toàn giao thông; sân chơi cát, nước; sân chơi với thiên nhiên. Các khu vực sân chơi của trẻ có nhiều cây xanh tạo bóng mát cho trẻ hoạt động. Cây xanh được bố trí cho từng khu vực hợp lý và thường xuyên được cắt tỉa gọn gàng, tạo cảnh quan đẹp, đảm bảo an toàn khi trẻ được vận động, học tập vui chơi ngoài trời. Mỗi phòng khối lá và chồi đều có hiên chơi trước và sau với diện tích 28 m², phòng lớp mầm và nhà trẻ có hiên chơi trước đủ diện tích cho trẻ vui chơi, học tập, ăn uống đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ khi sinh hoạt. Ngoài ra, nhà trường có khu vực vườn rau tạo điều kiện cho trẻ tham gia học tập khám phá thiên nhiên, trường có nhiều cây xanh tạo nhiều bóng mát cho sân trường [H3-3.1-01]; [H4-3.1-02].

Mức 2:

Trường Mầm non Nhị Xuân có công trình xây dựng là 2.326m², diện tích sân vườn, cây xanh và lối đi nội bộ là 2.581m² đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định của chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011[H3-3.1-01].

Nhà trường có tường gạch kiên cố với chiều cao 2,2m bao quanh toàn bộ khuôn viên nhà trường, đảm bảo ngăn cách với các khu vực bên ngoài. Có khu sân chơi dành riêng cho nhà trẻ gần sát khu vực lớp học; khu sân chơi dành cho trẻ mẫu giáo; khu sân chơi dành cho trẻ nhà trẻ. Các khu vực sân chơi được bố trí phù hợp, có ánh nắng tự nhiên và có nhiều bóng mát từ cây xanh giúp trẻ hoạt động thuận lợi. Cây xanh được chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên tạo vẻ mỹ quan cho sân trường. Nhà trường có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, được trồng nhiều loại cây, loại rau, loại hoa tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập [H3-3.1-02].

Khu vực trẻ chơi ngoài trời được bố trí nhiều thiết bị, đồ chơi cho trẻ, được lát gạch, phủ thảm cỏ đảm bảo an toàn cho trẻ khi tham gia hoạt động vui chơi. Các thiết bị, đồ chơi ngoài trời đa dạng về kích thước, đa dạng về cách chơi và được bố trí phù hợp theo lứa tuổi [H3-3.1-03]. Các khu vực chơi đều được ngăn cách an toàn với khu để xe của giáo viên, nhân viên, khu vực nhà bếp. Khu vực sân vườn được nhân viên vệ sinh hằng ngày, hằng tuần nhằm đảm bảo sạch sẽ và an toàn cho trẻ hoạt động vui chơi, tuy nhiên khu vực chơi của nhà trẻ chưa đảm bảo an toàn vì chưa được trải thảm cỏ [H3-3.1-02].

Mức 3:

Nhà trường có bố trí khu vực riêng để cho trẻ thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành như: Cầu thăng bằng, bộ đồ chơi liên hoàn, cổng chui, thang leo, bóng nhún, xích đu treo, cầu thăng bằng cố định, cầu thăng bằng di động, cột ném bóng, khung thành, xe đạp chân... ngoài ra nhà trường còn bổ sung thêm các thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế để tăng cường cho trẻ vận động. Tất cả các đồ chơi luôn được nhà trường kiểm tra thường xuyên, sửa chữa và loại bỏ những vật dụng, đồ chơi không an toàn cho trẻ trong quá trình chơi [H3-3.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có bảng tên trường và tường rào bao quanh ngăn cách đảm bảo an toàn cho trẻ và an ninh trong trường học. Diện tích đất, diện tích xây dựng, cây xanh, diện tích sân chơi, hiên chơi trong nhà trường đảm bảo cho trẻ tự do vui chơi học tập. Các sân chơi được bố trí thành nhiều khu vực với nhiều đồ chơi, cây xanh tạo cảnh quan đẹp và phù hợp với các hoạt động của trẻ theo độ tuổi. Khu vực sân chơi, cây xanh giúp trẻ tăng cường vận động với đầy đủ

các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục và ngoài danh mục quy định, được nhà trường kiểm tra, chăm sóc và vệ sinh thường xuyên đáp ứng nhu cầu vui chơi, các hoạt động trong nhà trường.

3. Điểm yếu:

Khu vui chơi nhà trẻ chưa được trải thảm cỏ đảm bảo an toàn cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019-2020, hiệu trưởng lên kế hoạch tham mưu với mạnh thường quân hỗ trợ thảm cỏ lót sân chơi của nhóm nhà trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 12 phòng học được bố trí theo đúng độ tuổi: 02 nhóm nhà trẻ (01 nhóm 13-24 tháng, 01 nhóm 25-36 tháng) và 10 lớp mẫu giáo (03 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 03 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi, 04 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi) tuy nhiên

năm học 2018-2019 số học sinh lớp 3-4 tuổi tăng, học sinh nhóm 25-36 tháng giảm nên nhà trường tận dụng nhóm 25-36 tháng để làm phòng học cho lớp 3-4 tuổi [H1-1.5-01].

Trường có 04 phòng có phòng sinh hoạt chung và phòng ngủ riêng, 08 phòng sinh hoạt chung dùng để làm nơi sinh hoạt học tập, vui chơi, ăn và ngủ cho trẻ; 01 phòng giáo dục nghệ thuật; 01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng thư viện đáp ứng nhu cầu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.1-02].

Nhà trường có trang bị đầy đủ hệ thống đèn, hệ thống quạt ở tất cả các lớp và phòng chức năng. Trung bình một lớp có 12 bóng đèn, 06 quạt treo tường. Ngoài ra, lớp học, phòng chức năng đều có cửa chính, cửa sau và nhiều cửa sổ đảm bảo ánh sáng tự nhiên, sự thông thoáng trong phòng học [H3-3.1-02]. Tất cả các phòng đều được trang bị đủ đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị dạy học theo quy định tại Thông tư 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 về danh mục đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non và nhiều đồ chơi trang thiết bị ngoài danh mục mang tính hiện đại phục vụ tốt cho hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại trường [H1-1.4-07].

Mức 2:

Phòng sinh hoạt chung của trẻ khối chồi và khối lá có diện tích $72m^2$, có phòng thay đồ diện tích $21m^2$; phòng sinh hoạt chung khối mầm diện tích $52,5m^2$; khối nhà trẻ và Mầm 3, Chồi 3 có phòng ngủ diện tích $36m^2$. Nhà trường có phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật với diện tích $90m^2$; phòng thư viện diện tích $20m^2$ [H3-3.1-01].

Trường Mầm non Nhị Xuân với 12 phòng học và 03 phòng chức năng được trang bị đầy đủ hệ thống tủ, kệ, đồ dùng tài liệu chuyên môn phù hợp với độ tuổi và được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện cho trẻ hoạt động phù hợp với Chương trình giáo dục mầm non. Trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi được giáo viên thường xuyên kiểm tra và sửa chữa, thay thế kịp thời khi bị hư hỏng nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ [H1-1.4-07].

Mức 3:

Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

2. Điểm mạnh

Trường Mầm non Nhị Xuân có đầy đủ các phòng tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi; 02 phòng chức năng và tất cả các phòng học đều có đủ ánh sáng, thoáng mát đảm bảo đạt chuẩn theo quy định; được trang bị đầy đủ đồ

dùng trang thiết bị và được bố trí sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện đảm bảo các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020, hiệu trưởng sắp xếp thời gian biểu hợp lý cho trẻ trong trường được hoạt động với âm nhạc, ngoại ngữ ở phòng giáo dục nghệ thuật.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non Nhị Xuân được thiết kế đủ các phòng theo quy định gồm: 01 văn phòng trường; 01 phòng hiệu trưởng; 01 phòng phó hiệu trưởng; 01 phòng hành chính quản trị; 01 phòng y tế; 01 phòng bảo vệ; 01 phòng dành cho nhân viên; 01 khu vệ sinh cho cán bộ, nhân viên; khu vệ sinh cho giáo viên được xây dựng khép kín trong phòng học của trẻ; 01 khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.1-01].

Văn phòng nhà trường có đầy đủ các bảng biểu, có bàn ghế để hội họp. Phòng hiệu trưởng có đủ các phương tiện làm việc như 01 máy vi tính, 01 máy

in, tủ đựng hồ sơ, bàn ghế làm việc, bàn ghế tiếp khách. Phòng phó hiệu trưởng có 02 máy vi tính, 01 máy in, bàn ghế làm việc, tủ hồ sơ. Phòng hành chính trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc như máy 02 vi tính, máy in, bàn ghế làm việc. Phòng y được trang bị bàn ghế, giường nằm và có đầy đủ dụng cụ sơ cấp cứu, thuốc uống thông thường, thuốc bôi ngoài da cho trẻ. Phòng y tế có các biểu bảng, tranh ảnh tuyên truyền, kế hoạch phòng chống dịch bệnh, phòng chống và chăm sóc cho trẻ SDD, trẻ DC-BP, có tủ hồ sơ lưu trữ theo dõi về công tác tiêm ngừa, công tác khám sức khỏe định kỳ, công tác theo dõi cân đo trẻ trong trường. Phòng bảo vệ được trang bị bàn ghế, đồng hồ treo tường, quạt treo tường, sổ trực theo dõi khách. Phòng bảo vệ ở xa khu vực văn phòng được kết nối điện thoại nội bộ thuận tiện cho bảo vệ khi trực. Có phòng nghỉ trưa cho nhân viên cấp dưỡng, nhân viên phục vụ có trang bị tủ để đồ dùng cá nhân [H1-1.4-07].

Khu vực để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên rộng rãi, an toàn, chắc chắn, được bố trí hợp lý, có công rào chắn ngăn cách nhà xe với lối đi nội bộ, được kẻ vạch đảm bảo an toàn, thuận tiện cho đội ngũ để xe [H3-3.1-02].

Mức 2:

Nhà trường có văn phòng trường diện tích 54m^2 , phòng Hiệu trưởng diện tích 20m^2 , 01 phòng phó Hiệu trưởng diện tích 25m^2 , phòng hành chánh quản trị diện tích 20m^2 , phòng y tế diện tích 20m^2 , phòng bảo vệ diện tích 11m^2 , phòng nghỉ nhân viên 18m^2 . Tất cả các phòng đều đảm bảo diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01].

Khu vực nhà xe có diện tích với diện tích 47m^2 đảm bảo diện tích theo quy định $1\text{m}^2/1\text{xe}$, có mái che bằng tôn đảm bảo an toàn và thuận tiện cho đội ngũ để xe [H3-3.3-02].

Mức 3:

Nhà trường có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non: Phòng Hiệu trưởng được đặt tại khu vực sân trước thuận tiện cho công tác quản lý; phòng phó Hiệu trưởng đặt tại khu vực gần lớp học đảm bảo công tác quản lý chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; phòng hành chính quản trị bố trí tại khu vực thuận lợi cho việc phụ huynh đóng tiền và liên hệ công tác; phòng bảo vệ đặt tại cổng chính thuận tiện cho bảo vệ quan sát để đảm bảo an ninh trật tự và quản lý tài sản trong nhà trường; phòng y tế được bố trí ở tầng trệt thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu cho trẻ; khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí nam - nữ riêng biệt được bố trí ở các khu vực khác nhau trong nhà trường thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng. Phòng nghỉ nhân viên được thiết

kế xây dựng chưa cân đối không thuận tiện trong việc bố trí các trang thiết bị phục vụ cho nhân viên [H3-3.3-01]; [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các phòng hành chính quản trị và khu vực để xe được thiết kế đảm bảo yêu cầu về diện tích và trang thiết bị theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011, được bố trí phù hợp nhằm đảm bảo công tác quản lý và phục vụ công tác cho các bộ phận.

3. Điểm yếu

Phòng nghỉ nhân viên thiết kế xây dựng chưa cân đối, không thuận tiện trong việc bố trí các trang thiết bị phục vụ cho nhân viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 5/2019, Hiệu trưởng cùng với bảo vệ đo đạc từng khu vực trong phòng nhân viên để thiết kế các trang thiết bị phù hợp cho từng khu vực trong phòng. Phối hợp với kế toán dự trù kinh phí cho năm học 2019-2020 để trang bị, mua sắm các trang thiết bị phù hợp, đảm bảo tính thẩm mỹ, đủ phương tiện đồ dùng phục vụ cho nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non Nhị Xuân có bếp ăn được xây dựng kiên cố đáp ứng đủ yêu cầu chế biến thức ăn cho trẻ theo đúng độ tuổi, tuy nhiên hiện nay nền nhà bếp bị lún [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Nhà trường có kho thực phẩm được bố trí trong khu vực nhà bếp thuận tiện cho nhân viên chế biến món ăn và đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Kho thực phẩm có tủ kính và kệ cách mặt đất 25cm để đựng các loại thực phẩm [H3-3.1-02].

Nhà trường bố trí tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn của trẻ trong ngày đặt tại phòng y tế [H1-1.10-05].

Mức 2:

Bếp ăn của nhà trường có diện tích 164m² phục vụ 434 trẻ đảm bảo 0,37m²/1 trẻ. Nhà bếp được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều, có các khu vực như: Khu tiếp phẩm, khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn và khu rửa chén nằm ngoài khu vực nhà bếp. Ngoài ra bếp ăn còn có các bảng biểu như: bảng tiếp phẩm, bảng phân lượng thực phẩm sống, bảng phân chia thành phẩm, bảng nội qui, bảng phân công cấp dưỡng. Bếp ăn được trang bị đầy đủ đồ dùng bằng inox và nhựa melamine cao cấp để phục vụ cho cho trẻ ăn bán trú tại trường. Có đủ dụng cụ chế biến thực phẩm như: dao thót sống - dao thót chín, thau, rổ, tủ đựng chén, tủ hấp chén, tủ lạnh... đúng theo quy định [H1-1.4-07]; [H3-3.1-02]. Nhà trường sử dụng nước của Công ty cấp nước thành phố để chế biến món ăn cho trẻ và được xét nghiệm hằng năm [H1-1.10-05]. Hằng năm, bếp ăn đều được kiểm tra về phòng cháy chữa cháy, đội ngũ được tập huấn và được trang bị đồ dùng bảo hộ lao động. Khu vực để gas được thiết kế nằm ngoài bếp ăn, có thiết bị kiểm tra rò rỉ gas tự động và được kiểm tra hàng tháng [H3-3.4-01]. Nhà trường có hợp đồng với Hợp tác xã Bảo Tín đảm bảo công tác xử lý hằng ngày rác trong nhà bếp được vệ sinh ngay sau khi thực hiện, có phân loại chất thải tại nguồn [H3-3.4-02].

Mức 3:

Bếp ăn độc lập với khối phòng học và sân chơi đủ ánh sáng, thông thoáng, có cửa lưới chống chuột, ruồi, nhặng..., tường và sàn nhà bằng phẳng thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Bàn ghế, dụng cụ được inox dễ làm vệ sinh và không thôi nhiễm yếu tố độc hại, có tủ lạnh để bảo quản thực phẩm sử dụng trong ngày, có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng cho cấp dưỡng, trang bị các thùng rác có nắp đậy để thu gom và vận chuyển rác và thuận tiện cho việc làm vệ sinh. Tuy nhiên, vị trí sân phơi đồ dùng, trang thiết bị phục vụ ăn uống được lát gạch nhưng nền bị lún chưa đảm bảo an toàn vệ sinh tại đơn vị [H1-1.4-07]; [H1-1.10-05].

2. Điểm mạnh

Trường Mầm non Nhị Xuân có bếp ăn đảm bảo diện tích cho mỗi trẻ theo quy định, được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động bếp một chiều và

trang bị đầy đủ đồ dùng trang thiết bị, có đủ nước sạch và xử lý các chất thải đúng theo quy định, đảm bảo phòng chống cháy nổ, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh, an toàn thực phẩm.

3. Điểm yếu

Sân phơi đồ dùng, trang thiết bị phục vụ ăn uống gạch nền xuống cấp nên chưa đảm bảo vệ sinh thực phẩm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch sửa chữa để lát gạch khu vực sân phơi đồ dùng, bổ sung trang thiết bị nhà bếp đồ dùng dụng cụ phù hợp để tăng công suất lao động và đảm bảo sức khỏe cho nhân viên nấu ăn. Phó hiệu trưởng thường xuyên kiểm tra lịch vệ sinh hằng tuần, hằng tháng để đảm bảo cho khu vực nhà bếp luôn sạch sẽ, đảm bảo bếp ăn hợp vệ sinh an toàn thực phẩm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

- a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;
- b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường trang bị đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại Thông tư 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 về danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.1-04].

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch tổ chức cho giáo viên thi làm đồ dùng đồ chơi, qua hội thi nhà trường chọn ra những đồ chơi thiết thực, phù hợp với từng độ tuổi, đảm bảo tính giáo dục an toàn nhằm phục vụ nhu cầu vui chơi của trẻ trong lớp và ngoài trời [H3-3.5-01].

Nhà trường có Kế hoạch phân công tổ trưởng chuyên môn, phục vụ, bảo vệ kiểm kê các thiết bị đồ dùng, đồ chơi hằng tuần, hằng tháng, hằng năm. Yêu cầu đội ngũ thực hiện sổ báo hư tài sản, đồ dùng đồ chơi để cán bộ quản lý phân công bảo vệ hoặc cơ sở bên ngoài sửa chữa kịp thời nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.5-02].

Mức 2:

Nhà trường đã trang bị 19 máy tính đều được kết nối mạng Internet tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên truy cập để sưu tầm những trò chơi, hình ảnh, tài liệu hỗ trợ trong công tác giảng dạy. 12 máy tính của giáo viên được nối mạng nội bộ với máy tính của cán bộ quản lý đem lại hiệu quả trong việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, tuy nhiên mạng Internet đôi lúc yếu nên việc kết nối mạng Internet, mạng nội bộ để hỗ trợ cho công tác giảng dạy còn nhiều hạn chế [H3-3.5-03].

Nhà trường trang bị đủ các thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ cho công tác giáo dục quy định tại Thông tư 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 về danh mục đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.1-04].

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch tổ chức hội thi làm đồ dùng đồ chơi để phục vụ cho công tác giảng dạy trong nhà trường [H3-3.5-01].

Mức 3:

Hằng năm, các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm, thiết bị dạy học ngoài danh mục quy định của giáo viên luôn được bộ phận chuyên môn kiểm tra đánh giá, chọn lựa và đưa vào giảng dạy những trang thiết bị có tính khả thi. Đội ngũ giáo viên thường xuyên sử dụng và khai thác hiệu quả các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đã được chọn lựa giúp trẻ tích cực tham gia hoạt động, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị tuy nhiên đồ chơi tự làm của giáo viên sử dụng chưa đạt chất lượng [H3-3.5-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường trang bị đầy đủ máy tính, các thiết bị dạy học trong danh mục, ngoài danh mục và đồ chơi tự làm theo quy định. Các máy tính được kết nối mạng Internet, mạng nội bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục của giáo viên trong công tác giáo dục trẻ, giúp trẻ hứng thú, tham gia tích cực trong hoạt động của lớp, của trường.

3. Điểm yếu

Việc kết nối mạng Internet, mạng nội bộ đôi lúc truyền tải yếu nên ảnh hưởng hỗ trợ cho công tác giảng dạy của giáo viên còn nhiều hạn chế, đồ chơi giáo viên tự làm chưa đạt chất lượng, sử dụng chưa bền vững.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020, Hiệu trưởng nâng cấp dung lượng Internet đảm bảo các máy tính trong nhà trường đều truy cập nhanh mạng thông tin, dự trù kinh phí bổ sung trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho công tác giảng dạy. Cán bộ quản lý chỉ đạo giáo viên thường xuyên kiểm tra, loại bỏ những đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị không an toàn ra khỏi tầm hoạt động của trẻ. Tổ chức cho đội ngũ tham quan học tập tại trường bạn, tài liệu chuyên môn để có thêm ý tưởng hay trong việc tạo ra đồ chơi phục vụ cho công tác giảng dạy. Tiếp tục tổ chức hội thi và khen thưởng những cá nhân biết bảo quản đồ dùng đồ chơi, có nhiều ý tưởng sáng tạo để làm ra đồ chơi tự tạo có chất lượng phục vụ công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục tại đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Các phòng học của trẻ và phòng chức năng đều có nhà vệ sinh riêng thuận tiện cho trẻ sinh hoạt, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị vệ sinh với kích thước và chiều cao phù hợp với độ tuổi tuy nhiên thiết kế chủ yếu phục vụ cho trẻ bình thường chưa thuận tiện cho trẻ khuyết tật. Ngoài ra, nhà trường có 02 nhà vệ sinh dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, 01 nhà vệ sinh dành cho nhân viên cấp dưỡng. Các nhà vệ sinh trong nhà trường luôn sạch sẽ, khô thoáng, không ô nhiễm môi trường [H3-3.1-01].

Hệ thống thoát nước của nhà trường được thiết kế phù hợp, đảm bảo vệ sinh môi trường, được kiểm tra thường xuyên theo định kỳ không để tình trạng ứ đọng và có mùi hôi tuy nhiên khi mưa to kết hợp triều cường hệ thống thoát nước chậm, nhà trường phải sử dụng máy bơm hút nước đưa ra ngoài kênh [H3-3.1-01]. Nhà trường sử dụng nước máy của Công ty cấp nước thành phố để cho trẻ, giáo viên, nhân viên sinh hoạt hằng ngày [H3-3.6-01]. Trường có hợp đồng với công ty cổ phần Tân Sơn để cung cấp nước uống cho trẻ hằng ngày [H3-3.6-02].

Nhà trường có nhà để rác riêng có thùng đựng và phân loại rác thải tại nguồn, bố trí đủ các loại thùng rác có nắp đậy ở nhóm lớp, nhà bếp và các khu vực xung quanh trường thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Nhà trường có hợp đồng với Hợp tác xã Bảo Tín để xử lý chất thải hằng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm trong khu vực để rác. Đối với rác y tế nhà trường có thực hiện hợp đồng với trạm y tế xã Xuân Thới Sơn để xử lý rác y tế tại đơn vị [H3-3.6-02].

Mức 2:

Phòng vệ sinh cho trẻ được xây dựng liền kề với phòng sinh hoạt chung, thuận tiện cho việc sử dụng và giúp giáo viên dễ quan sát trẻ. Nhà vệ sinh trẻ có diện tích là $14m^2$ đảm bảo trung bình $0,4m^2/1$ trẻ. Nhà vệ sinh được trang bị đầy đủ các thiết bị vệ sinh phù hợp với lứa tuổi như: Lứa tuổi nhà trẻ có ghế ngồi bồn nhưng đã xuống cấp không phù hợp với mô hình nhà vệ sinh hiện nay, có sàn tắm và vòi tắm, khu vệ sinh có bồn rửa tay; Các bồn tiểu, bệ xí đều có vách ngăn để ngăn cách, phân biệt nam và nữ. Phòng vệ sinh mẫu giáo có bồn rửa tay, bồn tiểu nam, bồn cầu cho trẻ em trai và trẻ em gái, có sàn rửa và vòi tắm. Khu nhà vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí phù hợp ở các khu vực trong nhà trường tạo sự thuận tiện trong sinh hoạt [H1-3.1-01].

Nhà trường sử dụng nước máy của công ty nước cấp nước thành phố để cho trẻ, giáo viên, nhân viên sử dụng trong sinh hoạt [H1-3.6-01]. Hằng năm, nhà trường có tiến hành kiểm tra xét nghiệm nước máy tại Viện Pasteur với kết quả cho thấy hệ thống cung cấp nước sạch trong nhà trường đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H3-3.6-03]. Nước uống của trẻ được cung cấp từ công ty nước khoáng Công ty cổ phần Tân Sơn, hệ thống nước của công ty được cơ quan chức năng công nhận hệ thống nước đạt chuẩn theo quy định của Bộ y tế [H3-3.6-02]. Hệ thống cống thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, nước thải từ khu vực bếp, nước thải từ khu vực nhà vệ sinh luôn được đảm bảo không bị nước ứ đọng gây ô nhiễm xung quanh trường lớp [H3-3.1-01]. Nhà trường có hợp đồng với Hợp tác xã Bảo Tín để thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt tại khu tập trung xử lý rác. Rác được xử lý hằng ngày không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường, thùng rác có nắp đậy và phân loại rác theo quy định, các thùng rác thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử khuẩn [H3-3.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng vệ sinh cho trẻ, đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên. Khu vệ sinh luôn đảm bảo diện tích, sạch, thoáng mát, không ô nhiễm môi trường. Có đủ nước sạch sinh hoạt và phục vụ cho ăn uống cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên. Đảm bảo hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

3. Điểm yếu

Hệ thống thoát nước chậm vào lúc triều cường kết hợp với mưa to.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tăng cường kiểm tra các hệ thống cống rãnh, hệ thống thoát nước để xử lý kịp thời những khu vực hư hỏng nhằm giúp môi trường thông thoáng, đảm bảo vệ sinh môi trường tốt hơn. Năm học 2019-2020, phó hiệu trưởng và nhân viên y tế kiểm tra thường xuyên việc đảm bảo sự thông thoáng, sạch sẽ ở các khu vực nhà vệ sinh của trẻ, nhà vệ sinh của cán bộ, giáo viên nhân viên để thuận tiện cho giáo viên trong công tác chăm sóc trẻ. Nhân viên bảo vệ thực hiện lịch vệ sinh bồn chứa nước, bồn lọc để đảm bảo an toàn nguồn nước sinh hoạt. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tham mưu Phòng Giáo dục và Đào tạo cùng Phòng Tài chính kế hoạch huyện sửa chữa hệ thống cống, xây hầm chứa nước khi có triều cường xảy ra.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường có khuôn viên và các công trình được xây dựng kiên cố, diện tích sân chơi, phòng sinh hoạt chung và hiên chơi đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các phòng học, phòng ngủ, phòng ăn, phòng hoạt động giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật, bếp ăn được trang bị đầy đủ đồ dùng cho trẻ sinh hoạt đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả. Nhà vệ sinh và hệ thống cấp thoát nước được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

Diện tích sân chơi cho trẻ rộng thoáng mát có cây xanh che phủ kín, hệ thống máy tính được kết nối internet mạng nội bộ phục vụ tốt cho công tác quản lý và công tác dạy học.

Điểm yếu cơ bản

Nhà trường còn thiếu phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen ngoại ngữ, tin học, hệ thống thoát nước chậm khi có triều cường kết hợp mưa to, nhà vệ sinh trẻ thiết kế chưa thuận tiện cho trẻ khuyết tật sử dụng.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 06/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường gia đình và xã hội

Mở đầu:

Nhà trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh đúng quy trình và hoạt động đúng theo quy định. Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn chủ động phối hợp với nhà trường thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo đúng chương trình kế hoạch hằng năm.

Ban đại diện cha mẹ học sinh làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh Đảng, lãnh đạo chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa bàn xã Xuân Thới Sơn nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ ngày càng hiệu quả hơn.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đầu năm học, nhà trường tổ chức họp cha mẹ trẻ em ở 12 nhóm, lớp để bầu ra Ban đại diện cha mẹ trẻ ở mỗi nhóm lớp gồm 03 thành viên (01 trưởng ban, 01 phó ban, 01 thư ký). Sau đó, nhà trường tiến hành tổ chức Đại hội đại biểu cha mẹ trẻ và thống nhất bầu ra Ban đại diện cha mẹ trẻ ở trường gồm 07 người (01 trưởng ban, 02 phó ban, 01 thư ký, 01 kế toán và 02 thành viên) [H4-4.1-01].

Ban đại diện cha mẹ trẻ có kế hoạch hoạt động theo năm học. Kế hoạch hoạt động được xây dựng dựa trên tình hình thực tế của nhà trường đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp cha mẹ trẻ và buổi họp Đại hội đại biểu Ban đại diện cha mẹ trẻ đầu năm [H4-4.1-01].

Các nội dung, kế hoạch trong những năm qua của Ban đại diện cha mẹ trẻ đều thực hiện đúng tiến độ trên nguyên tắc công khai, tự nguyện của cha mẹ trẻ em toàn trường. Sau mỗi học kỳ Ban đại diện cha mẹ trẻ họp để rút kinh nghiệm những mặt đạt được và tồn tại để kịp thời bổ sung, điều chỉnh cho kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ để đem lại đạt hiệu quả cho công tác phối hợp với nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H4-4.1-02].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp hiệu quả với nhà trường trong việc tạo môi trường an toàn cho trẻ hoạt động, phối hợp nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục giúp nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm liền; Tài trợ để nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường như: 02 xe phân phối cơm ở lớp, mái che khối nhà trẻ; phối hợp trong các hoạt động giáo dục như: Lễ hội Trung Thu, quà ra trường khối Lá, quà Quốc tế thiếu nhi, hoạt động trải nghiệm kỹ năng sống... [H4-4.1-03]. Bên cạnh đó còn phối hợp với nhà trường hướng dẫn,

phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục như: Cách nuôi con khỏe - dạy con ngoan, chống bạo hành trẻ em, quyền trẻ em... thông qua các cuộc họp, bản tin nhà trường... nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục trẻ [H4-4.1-03].

Mức 3:

Trong nhiều năm qua, Ban đại diện cha mẹ trẻ hoạt động theo Kế hoạch đề ra, chủ động phối hợp với nhà trường tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ em nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục trẻ [H4-4.1-03]; phối hợp với nhà trường, giáo viên giúp trẻ hoàn chỉnh các kỹ năng theo yêu cầu trong Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.8-01]. Tuy nhiên, một số phụ huynh chưa có nhiều thời gian chăm sóc giáo dục trẻ tại gia đình, công tác phối hợp với nhà trường trong việc điều chỉnh các kỹ năng, hành vi cho trẻ theo yêu cầu Chương trình giáo dục mầm non chưa cao.

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ trẻ em được thành lập và có kế hoạch hoạt động theo năm học, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và phối hợp hiệu quả với nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh giúp nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Một số phụ huynh ít có thời gian phối hợp cùng nhà trường chăm sóc và giúp trẻ điều chỉnh hành vi, kỹ năng sống cho trẻ tại gia đình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020, Ban đại diện cha mẹ trẻ tiếp tục phối hợp với nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh phù hợp với tình hình thực tế và tổ chức họp phụ huynh nhằm nắm bắt được các nội dung có liên quan đến việc chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; giáo viên các lớp thông tin qua sổ liên lạc, bảng tin lớp hoặc trao đổi trực tiếp qua giờ đón trả trẻ đến phụ huynh để hỗ trợ thêm các kỹ năng cho trẻ khi trẻ ở nhà nhằm giúp trẻ phát triển tốt các kỹ năng theo yêu cầu của độ tuổi.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn thông qua các buổi họp giao ban Đảng ủy, văn bản tham mưu về kế hoạch và các biện pháp để phát triển nhà trường, cụ thể: Công tác tuyển sinh, công tác vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, chăm sóc sức khỏe phòng chống dịch bệnh, công tác sửa chữa nâng cấp về cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng của nhà trường ngày càng cao đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội [H4-4.2-01].

Trường Mầm non Nhị Xuân đã tuyên truyền đến phụ huynh Thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, loa phát thanh Ấp 5 xã Xuân Thới Sơn, bảng tin trường, bảng thông báo nhằm nâng cao nhận thức trách nhiệm của cha mẹ trẻ về chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục về mục tiêu, kế hoạch giáo dục của nhà trường như: Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; kế hoạch tuyển sinh; kế hoạch năm học; an toàn giao thông và đảm bảo an ninh trật tự... Ngoài ra, giáo viên ở các lớp còn tuyên truyền nội dung chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, phòng chống bạo hành, phòng chống dịch bệnh thông qua bản tin lớp, sổ bé ngoan, sổ liên lạc, trao đổi trực tiếp giữa giáo viên và phụ

huynh về tình hình sức khỏe của trẻ..., tuy nhiên, hình thức tuyên truyền của giáo viên chưa thu hút đến sự quan tâm của phụ huynh [H4-4.2-02].

Nhà trường phối kết hợp tốt với các tổ chức, cá nhân ở địa bàn xã Xuân Thới Sơn, Ban đại diện Cha mẹ học sinh, để huy động dụng các nguồn lực hợp pháp cho nhà trường như: Công ty Fresco Food, công ty sữa Nutifood, các mạnh thường quân tài trợ hiện vật phục vụ cho công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tại đơn vị...[H4-4.2-03].

Mức 2:

Nhà trường chủ động tham mưu cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn để tạo điều kiện về kinh phí cho nhà trường thực hiện đúng theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường đã đề ra. Hằng năm cấp kinh phí cải tạo về cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi ngoài trời...[H1-1.4-07].

Nhà trường phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn, Đoàn Thanh niên, các ban ngành liên quan để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch: Ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường, Trung Thu, Tết và mùa xuân, Quốc tế thiếu nhi, , ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam, Ngày thương binh liệt sĩ 27/7... phù hợp với truyền thống của địa phương [H1-1.4-08].

Mức 3:

Trong những năm qua, Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp có hiệu quả với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, Hội khuyến học trường nhằm thực hiện tốt nếp sống văn minh, môi trường văn hóa lành mạnh, an toàn giao thông, an ninh trật tự nơi làm việc, học tập gắn với quy chế văn hóa công sở góp phần xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương [H4-4.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Ban đại diện cha mẹ phối hợp có hiệu quả với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức, đoàn thể thực hiện kế hoạch giáo dục, hoạt động lễ hội huy động các nguồn lực tạo điều kiện cho Nhà trường từng bước thực hiện Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương.

3. Điểm yếu

Hình thức tuyên truyền của một số giáo viên chưa thu hút được sự quan tâm của phụ huynh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020, Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Ủy ban nhân dân xã và các ban ngành liên quan hỗ trợ người kinh phí cải tạo sửa chữa cơ sở vật chất và bổ sung trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi phục vụ công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tại đơn vị. Phân công phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục hướng dẫn cho giáo viên thay đổi hình thức, nội dung trong bảng tin lớp, bảng tin trường theo tuần, cung cấp một số trang web có nội dung và hình ảnh đa dạng nhằm giúp phụ huynh nắm bắt kịp thời các thông tin và phối hợp trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật

Ban đại diện cha mẹ trẻ được thành lập đúng quy trình và hoạt động đạt hiệu quả cao; thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện tốt phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, huy động được các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Điểm yếu cơ bản

Một số phụ huynh chưa dành thời gian để phối hợp cùng nhà trường trong công tác chăm sóc và giáo dục kỹ năng và hành vi cho trẻ.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động kết quả chăm sóc và nuôi dưỡng

Mở đầu:

Nhà trường tổ chức các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với điều kiện của nhà trường và đặc điểm tâm sinh lý của trẻ ở các nhóm lớp. Đội ngũ giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp, đa dạng về hình thức giảng dạy đã tạo nhiều cơ hội cho trẻ hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh. Trẻ được chăm sóc tốt về sức khỏe ban đầu nên chiều cao và cân nặng được phát triển tốt theo từng độ tuổi. Nhà trường luôn can thiệp bằng những biện pháp phù hợp nên tình trạng suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì luôn được cải thiện. Trẻ đi học chuyên cần và hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non theo quy định.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch năm học của đơn vị [H1-1.7-01]; hướng dẫn giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục năm, tháng, ngày có nội dung cụ thể phù hợp với từng độ tuổi, đảm bảo tính khoa học theo nguyên tắc đồng tâm đi từ dễ đến khó, tính liên thông giữa các độ tuổi đúng theo Chương trình giáo dục mầm non quy định. Hằng ngày, giáo viên luôn tổ chức các hoạt động học, vui chơi, vệ sinh, ăn, ngủ giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ đúng theo kế hoạch đã đề ra [H1-1.8-01].

Thông qua các buổi họp tổ chuyên môn, giáo viên luôn thảo luận, thống nhất, điều chỉnh và phát triển nội dung Chương trình giáo dục mầm non để phù hợp tình hình thực tế của lớp, kinh nghiệm của trẻ, sự hài hòa giữa chăm sóc

nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục trẻ đúng với sự chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn [H1-1.4-06].

Trong quá trình tổ chức cho trẻ học tập, vui chơi và các sinh hoạt khác trong ngày, giáo viên luôn có sự quan sát trẻ và có nhận xét đánh giá sự phát triển của trẻ theo ngày, tháng, hằng quý. Trên cơ sở đó giúp giáo viên kịp thời điều chỉnh và bổ sung nội dung vào kế hoạch giáo dục cho giai đoạn tiếp theo để phù hợp với trẻ tại lớp [H1-1.8-01].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ đúng theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Trong quá trình giảng dạy, đội ngũ giáo viên linh hoạt trong phương pháp, sử dụng đa dạng các phương tiện dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy...giúp trẻ hứng thú tích cực tham gia học tập, phát triển toàn diện các lĩnh vực theo từng độ tuổi. Việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường trong những năm qua được đánh giá mang tính khả thi, đảm bảo về chất lượng đúng theo tinh thần chỉ đạo của ngành học [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Hằng năm, cán bộ quản lý và giáo viên luôn điều chỉnh và phát triển nội dung trong Chương trình giáo dục mầm non để đảm bảo cho chương trình giảng dạy luôn phù hợp với văn hóa địa phương, phù hợp với khả năng và nhu cầu tiếp thu của trẻ. Căn cứ vào chương trình giảng dạy, giáo viên đã tổ chức các giờ học, vui chơi, tổ chức giờ học ngoại khóa...qua đó giúp trẻ biết được các đặc điểm nổi bật của các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh; hiểu ý nghĩa của các ngày lễ hội trong năm và các sự kiện văn hóa của đất nước, của địa phương mình đang sinh sống [H1-1.1-05]; [H5-5.1-01].

Mức 3:

Nhà trường có tham khảo tài liệu về phương pháp giảng dạy của nước Nhật bản để đội ngũ giáo viên có thêm kiến thức trong việc tạo môi trường giảng dạy cho trẻ. Tuy nhiên, nhà trường không sử dụng chương trình của nước Nhật để phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H5-5.1-02].

Hằng năm, nhà trường có tổ chức đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục của giáo viên thông qua buổi họp chuyên môn, cán bộ quản lý và tổ trưởng chuyên môn luôn chỉ ra những hạn chế của đội ngũ và yêu cầu đội ngũ cần linh hoạt trong phương pháp, đa dạng về phương tiện và hình thức giảng dạy; phải luôn coi trọng sự tiến bộ của từng trẻ và phải thường xuyên quan sát hoạt động hằng ngày để có cơ sở vững chắc, qua đó kịp thời điều chỉnh, cải tiến

nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Kế hoạch giáo dục của các lớp chưa được Hiệu trưởng phê duyệt, đánh giá thường xuyên hằng tuần để đảm bảo giáo viên thực hiện giảng dạy đúng và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp theo Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.4-06]; [H1-1.4-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tổ chức thực hiện và phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo kế hoạch; định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện của các lớp để điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục phù hợp điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ nhằm đảm bảo chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ”.

3. Điểm yếu

Kế hoạch giáo dục của giáo viên chưa được hiệu trưởng phê duyệt, đánh giá thường xuyên hằng tuần.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020, Hiệu trưởng tham mưu Phòng Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn bố trí nhân sự đầy đủ để phê duyệt kế hoạch giáo dục hằng tuần. Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo phó hiệu trưởng và Tổ chuyên môn thường xuyên tổ chức các buổi họp để giúp đồng nghiệp trong tổ xây dựng và điều chỉnh kế hoạch, nội dung giáo dục đúng với tinh thần chỉ đạo của ngành học, phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đặc điểm của trẻ ở lớp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại đơn vị. Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục cùng với tổ trưởng chuyên môn cần tham khảo và giới thiệu các trang thông tin, tài liệu của các nước tiên tiến trong khu vực để giới thiệu cho đội ngũ giáo viên tham khảo, học tập để cải tiến phương pháp, phương tiện trong giảng dạy. Cán bộ quản lý nhà trường tham gia học tập, nắm bắt kịp thời và làm theo sự chỉ đạo trong việc áp dụng chương trình của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển Chương trình Giáo dục và Đào tạo hiện nay.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đội ngũ giáo viên dựa vào Chương trình giáo dục mầm non, kết quả mong đợi cuối độ tuổi, bộ chuẩn phát triển trẻ năm tuổi để lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục phù hợp với từng giai đoạn phát triển của trẻ, từ đó xây dựng kế hoạch giáo dục gồm các hoạt động, phương pháp, hình thức tổ chức phù hợp với mục tiêu và khả năng của trẻ ở nhóm lớp [H1-1.8-01]. Đối với trẻ nhà trẻ, giáo viên biết linh hoạt chọn lựa phương pháp giao tiếp để thể hiện sự yêu thương gần gũi giữa người lớn với trẻ, qua đó giúp trẻ được giao lưu cảm xúc, kích thích sự phát triển các giác quan. Đối với trẻ mẫu giáo, giáo viên luôn vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp trong một giờ hoạt động tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi khám phá môi trường xung quanh, qua đó giúp trẻ hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách và phát triển những kỹ năng sống cần thiết phù hợp lứa tuổi [H5-5.1-01].

Căn cứ vào điều kiện nhà trường, nhu cầu vui chơi học tập của học sinh, cán bộ quản lý chỉ đạo giáo viên xây dựng môi trường học tập và vui chơi theo đúng tinh thần của chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”. Môi trường giáo dục do giáo viên tổ chức đã thể hiện tính giáo dục, khoa học, thẩm mỹ, gắn liền với cuộc sống thực tế giúp trẻ hứng thú trong vui chơi, tích cực trong học tập, được trải nghiệm khám phá mở rộng các kiến thức, kỹ năng sống phù hợp độ tuổi [H5-5.2-01].

Dựa vào kỹ năng của trẻ ở lớp, dựa vào điều kiện thực tế của nhà trường (lớp học và sân chơi rộng, có nhiều đồ dùng đồ chơi ngoài sân, có phòng chức năng...), đội ngũ giáo viên đã linh hoạt lựa chọn nhiều hình thức, phương pháp giáo dục phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ ở lớp. Trong một

giờ học giáo viên luôn luân chuyển nhiều hình thức hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, hoạt động cả lớp, tổ chức hoạt động học ở ngoài sân trường, sử dụng nhiều đồ dùng dạy học... qua đó kích thích sự hứng thú tích cực của trẻ trong học tập và giúp trẻ tiếp thu tốt kiến thức, hoàn chỉnh các kỹ năng [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01]; [H5-5.2-01].

Mức 2:

Trong những năm học qua, đội ngũ giáo viên trong nhà trường biết tận dụng môi trường xung quanh lớp học, trường học để tổ chức cho trẻ hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh. Giáo viên tổ chức cho trẻ khám phá các loại côn trùng ngoài vườn cây, tổ chức cho trẻ khám phá các loại rau, loài hoa, tổ chức cho trẻ chăm sóc và thu hoạch rau do trẻ tự trồng... Qua các giờ học nêu trên, giáo viên đã tận dụng hiệu quả các giáo cụ trực quan sinh động xung quanh trường lớp tạo nhiều cơ hội cho trẻ tiếp thu kiến thức một cách hứng thú, tự nhiên, học tập tích cực và đầy hào hứng. Tuy nhiên, còn một vài giáo viên chưa linh hoạt trong việc tổ chức cho trẻ thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh nên chưa lôi cuốn trẻ tích cực tham gia vào giờ học [H1-1.8-01]; [H5-5.2-01].

Mức 3:

Hằng năm, cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên trong nhà trường luôn đổi mới môi trường hoạt động trong và ngoài lớp học như: sắp xếp, trang trí không gian học tập của trẻ hợp lý, thẩm mỹ, thân thiện đối với trẻ; các khu vực chơi cho trẻ được thiết kế phù hợp, sắp xếp thuận tiện, đa dạng đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đảm bảo an toàn, sạch đẹp kích thích hứng thú của trẻ. Bên cạnh đó, đội ngũ giáo viên nắm vững cách sử dụng, tính năng, tác dụng của từng loại trang thiết bị, đồ chơi, học liệu giúp trẻ sử dụng phù hợp, hiệu quả đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu theo từng chủ đề, tổ chức cho trẻ làm việc theo công đoạn, theo cặp đôi, theo nhóm nhỏ cả trong lớp và ngoài trời; luôn tạo bầu không khí giao tiếp tích cực, tôn trọng, khuyến khích trẻ tham gia hoạt động, tạo cho trẻ cơ hội trao đổi, chia sẻ ý kiến, giúp đỡ lẫn nhau giúp trẻ phát triển và đạt được mục tiêu giáo dục đã đề ra [H1-1.8-01]; [H5-5.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện linh hoạt các phương pháp, hình thức đa dạng đảm bảo phù hợp với trẻ, với mục tiêu nội dung giáo dục và điều kiện của nhà trường. Tổ chức tốt môi trường giáo dục trong và ngoài lớp dựa vào nhu cầu, hứng thú và khả năng của trẻ; tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh.

3. Điểm yếu

Nhà trường còn một vài giáo viên chưa có linh hoạt tận dụng môi trường xung quanh giúp trẻ thực hành, trải nghiệm, khám phá tích cực tham gia vào giờ học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020 phó hiệu trưởng giáo dục cho ba giáo viên mới được dự giờ đồng nghiệp nhiều hơn để có thêm kinh nghiệm, phương pháp trong việc tạo môi trường để kích thích trẻ tham gia hoạt động hào hứng. Phó hiệu trưởng giáo dục tập huấn hướng dẫn cho giáo viên nắm vững các tiêu chí thực hành áp dụng quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong việc xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục cho trẻ tại trường mầm non. Giáo viên thường xuyên trao đổi với phụ huynh để phụ huynh hiểu và đồng thuận trong việc đóng góp hỗ trợ đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị tổ chức tốt môi trường hoạt động cho trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm vào tháng 9 nhà trường có xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho trẻ tại đơn vị, hiệu trưởng ký kết hợp đồng khám sức khỏe với Bệnh viện đa khoa Hóc Môn, ký hợp đồng với trạm y tế xã Xuân Thới Sơn chăm sóc sức khỏe cho trẻ [H1-1.10-05].

100% trẻ được kiểm tra sức khỏe định kỳ 01 lần/năm, được cân đo chiều cao theo quy định và được đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng trong sổ sức khỏe [H1-1.10-05]; [H5-5.3-01].

Đầu năm 2018–2019 nhà trường có số lượng trẻ suy dinh dưỡng cân nặng là 10/434 trẻ tỷ lệ: 2.3%; trẻ thừa cân béo phì toàn trường là 52/434 trẻ tỷ lệ: 11.98%; trẻ suy dinh dưỡng thấp còi 10/434 trẻ tỷ lệ 2.3%. Hằng năm, nhà trường phân loại trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì và xây dựng kế hoạch, phương án phòng chống trẻ suy dinh dưỡng cân nặng, trẻ thừa cân béo phì như: Thường xuyên tổ chức cho trẻ ăn thêm bữa phụ để bổ sung thêm dinh dưỡng cho trẻ; có kế hoạch vận động cho trẻ thừa cân béo phì và ăn nhiều chất xơ trong bữa ăn của trẻ, phối hợp cùng phụ huynh chăm sóc trẻ để giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng cân nặng, trẻ thừa cân béo phì. Cuối năm học trẻ suy dinh dưỡng giảm 09/10 trẻ tỷ lệ 90%, trẻ thừa cân béo phì giảm 14/52 trẻ tỷ lệ 26.92%, suy dinh dưỡng thấp còi 07/10 trẻ tỷ lệ 70% [H1-1.1-05]; [H1-1.4-09]; [H1-1.10-05].

Mức 2:

Nhà trường có kế hoạch truyền thông với nội dung mang tính khả thi: Chế độ ăn của trẻ, thực đơn, phòng chống dịch bệnh theo mùa. Nhà trường mời bác sĩ ở Trung tâm y tế dự phòng tuyên truyền tư vấn cho phụ huynh về chế độ dinh dưỡng cho trẻ và các loại bệnh phổ biến hiện nay như: Tay chân miệng, Sốt xuất huyết, bệnh sởi... [H1-1.4-09].

Nhà trường có sử dụng phần mềm dinh dưỡng Viettec để xây dựng thực đơn, tính khẩu phần dinh dưỡng; khẩu phần dinh dưỡng cân đối, có phối hợp thực phẩm theo mùa, cung cấp lượng nước cần thiết cho trẻ trong ngày. Trẻ được ăn hai bữa chính phụ trong ngày và đạt năng lượng cơ cấu từng bữa ăn theo qui định [H1-1.4-09]; [H1-1.10-05]; [H3-5.3-03].

Thông qua kết quả đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ đầu năm học, học kỳ 1, học kỳ 2 100% trẻ suy dinh dưỡng thừa cân béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp [H1-1.4-09]; [H1-1.10-05].

Mức 3:

Đầu năm nhà trường thực hiện cân đo 434/434 trẻ tỷ lệ 100% trong đó gồm: Số lượng trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường 372/434 tỷ lệ 85.71%. Bộ phận chuyên môn có kế hoạch can thiệp chế độ dinh dưỡng, chế độ

vận động đối với trẻ suy dinh dưỡng cân nặng, trẻ thừa cân béo phì đến cuối năm học số lượng trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường tăng lên so với đầu năm 395/434 trẻ tỷ lệ 91.01% [H5-5.3-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp với Bệnh viện Đa khoa Hóc Môn, trạm y tế xã Xuân Thới Sơn, phụ huynh để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ, luôn đảm bảo cân đối nhu cầu dinh dưỡng của trẻ theo quy định, có phương án can thiệp trẻ suy dinh dưỡng cân nặng, trẻ thừa cân được cải thiện tốt hơn với đầu năm, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng cân nặng được giảm cao so với đầu năm.

3. Điểm yếu

Trẻ thừa cân béo phì chiếm tỷ lệ cao 8.76% .

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019-2020 nhà trường trang bị thêm đồ dùng đồ chơi nhằm tăng cường cho trẻ vận động tại các khu vực sân và sân chơi. Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng điều chỉnh thực đơn và khẩu phần dinh dưỡng, xây dựng kế hoạch tăng cường vận động nhằm tiêu hao năng lượng cho trẻ thừa cân béo phì, nâng cao nhận thức cho giáo viên về chăm sóc trẻ thừa cân béo phì qua các buổi sinh hoạt chuyên môn. Giáo viên và nhân viên y tế tuyên truyền, tư vấn đến cha mẹ trẻ chế độ dinh dưỡng hợp lý.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2018-2019 chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt trên 95%, trẻ dưới 5 tuổi đạt 90%. Tuy nhiên, hằng năm vào đầu năm học trẻ ở độ tuổi nhà trẻ chưa quen với chế độ sinh hoạt tại trường, hay khóc, dễ bệnh do đó phụ huynh thường cho trẻ nghỉ học nên chưa đảm bảo chuyên cần ở học kì I [H5-5.4-01].

Nhà trường thực hiện đầy đủ Chương trình giáo dục mầm non dành cho trẻ 5 tuổi theo quy định. Cuối năm học 2018-2019 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non. Qua đó giúp trẻ phát triển các chức năng tâm sinh lý, những kỹ năng sống cần thiết và phù hợp với lứa tuổi nhằm chuẩn bị tốt tâm lý cho trẻ vào lớp một [H5-5.4-02].

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường có số lượng trẻ chuyên cần đạt tỷ lệ như sau: trẻ 12-18 tháng tuổi đạt từ 86-87%; trẻ 19-24 tháng đạt 83-88%; trẻ 25-36 tháng đạt 84-90%; trẻ 3-4 tuổi đạt 85- 92%; trẻ 4-5 tuổi đạt 86- 93%; trẻ 5- 6 tuổi đạt 90-96% [H5-5.4-01].

Nhà trường đạt 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-02] .

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 3:

Nhà trường đạt 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-02].

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác vận động trẻ ra lớp và duy trì sĩ số học sinh ở độ tuổi mẫu giáo. 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non non.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt , trẻ dưới 5 tuổi đạt

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020, nhà trường tiếp tục thực hiện “ Ngôi nhà xanh” tạo điều kiện đưa trẻ đến trường làm quen với môi trường trước khi trẻ vào học, tuyên truyền tư vấn với phụ huynh phối hợp cùng nhà trường trong thời gian trẻ mới đến lớp. Giáo viên tăng cường công tác phối hợp với phụ huynh cho trẻ đi học đầy đủ nâng cao tỷ lệ chuyên cần của các khối tuổi. Nhà trường có kế hoạch tiếp nhận trẻ khuyết tật học hòa nhập khi phụ huynh có nhu cầu, tạo điều kiện cho giáo viên được tập huấn chương trình dạy trẻ khuyết tật để giáo viên có kiến thức áp dụng vào giảng dạy khi lớp có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật

Trẻ được phát triển tốt về thể chất và tinh thần theo mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Nhà trường thực hiện tốt chế độ ăn uống hợp lý cho trẻ suy dinh dưỡng và có tổ chức cho trẻ béo phì luyện tập bằng nhiều hình thức phong phú phù hợp theo độ tuổi. Nhà trường thực hiện tốt công tác vận động trẻ ra lớp và duy trì sĩ số học sinh, 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và hằng năm đều có báo cáo kết quả về nội dung đánh giá trẻ.

Điểm yếu cơ bản

Trẻ thừa cân béo phì chiếm tỷ lệ cao, tỷ lệ chuyên cần đạt.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Trong quá trình thực hiện báo cáo tự đánh giá đã giúp Trường Mầm non Nhị Xuân một lần nữa khẳng định phụ huynh, các cơ quan quản lý về năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại đơn vị. Tuy nhiên, với tinh thần

trách nhiệm cao trong công việc đội ngũ cũng đã nhìn nhận và đánh giá lại những mặt được cũng như những tồn tại để có kế hoạch cải tiến, khắc phục, thúc đẩy nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ để tạo sự tín nhiệm từ phía phụ huynh.

Qua quá trình tự đánh giá tại đơn vị, kết quả đạt được qua các chỉ báo, các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục và chuẩn quốc gia như sau:

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt

Mức 1: 24/25; đạt tỷ lệ 96%;

Mức 2: 25/25; đạt tỷ lệ 100%;

Mức 3: 14/19; đạt tỷ lệ 73,7%.

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt

Mức 1: 00/25; đạt tỷ lệ 0%;

Mức 2: 00/25; đạt tỷ lệ 0%;

Mức 3: 05/19; đạt tỷ lệ 26,3%.

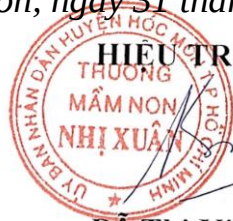
- Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt Mức 4: 00/06; đạt tỷ lệ 0%;

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt Mức 4: 06/06; đạt tỷ lệ 100%;

- Mức đánh giá của trường mầm non: Mức 2;

- Trường mầm non đề nghị đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1 và đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Hóc Môn, ngày 31 tháng 05 năm 2019


Đỗ Thị Kim Tiên

Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Hồ sơ phát triển xây dựng nhà trường (Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Biên bản họp xây dựng phát triển nhà trường. Danh sách thành viên tham dự buổi họp...).	Nhiệm kỳ 2014-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội Huyện Hóc Môn, xã Xuân Thới Sơn giai đoạn 2016-2020.	Năm 2016 đến năm 2018	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, xã Xuân Thới Sơn	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.1-03]	Kế hoạch năm học.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.1-04]	Báo cáo tổng kết năm học.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	5	[H1-1.1-05]	Sổ họp Liên tịch nhà trường. Sổ họp Hội đồng sư phạm nhà trường.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Hồ sơ Hội đồng trường (Quyết định thành lập Hội đồng trường; biên bản họp; danh sách thành viên tham dự, biên bản kiểm tra giám sát hoạt động trường...).	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.2-02]	Hồ sơ Hội đồng thi đua khen thưởng.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.2-03]	Hồ sơ Hội đồng chấm sáng kiến	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	4	[H1-1.2-04]	Hồ sơ Hội đồng chấm giáo viên giỏi.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Công đoàn (Quyết định chuẩn y Ban chấp hành công đoàn; Nghị quyết công đoàn; kế hoạch hoạt động công đoàn; biên bản họp công đoàn; hồ sơ tổ công đoàn; hồ sơ nữ công; hình ảnh cán bộ, giáo viên, nhân viên tham quan hệ).	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Công đoàn Mầm non Nhị Xuân	Chủ tịch công đoàn
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ Chi đoàn (Quyết định chuẩn y Ban chấp hành chi đoàn; Nghị quyết chi đoàn; kế hoạch hoạt động chi đoàn; Biên bản họp chi đoàn).	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Chi đoàn Mầm non Nhị Xuân	Bí thư chi đoàn
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ Hội Khuyến học	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2018-2019		
	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ hội chữ thập đỏ	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ chi bộ	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Bí thư chi bộ	Bí thư chi bộ
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Hồ sơ cá nhân của Hiệu trưởng	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2017-2018	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Hồ sơ cá nhân của phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2017-2018		
	3	[H1-1.4-03]	Hồ sơ cá nhân của phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2017-2018	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.4-04]	Hồ sơ Quyết định, phân công phân nhiệm cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.4-05]	Quyết định tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.4-06]	Hồ sơ tổ chuyên môn, tổ văn phòng (Kế hoạch hoạt động tổ; biên bản họp tổ).	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Tổ trưởng chuyên môn	Tổ trưởng chuyên môn

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	7	[H1-1.4-07]	Hồ sơ quản lý tài chính, tài sản (chứng từ quyết toán mua sắm, sửa chữa; biên bản kiểm kê tài sản...)	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Kế toán
	8	[H1-1.4-08]	Hồ sơ quản lý chuyên môn chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục, Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	9	[H1-1.4-09]	Hồ sơ công tác bồi dưỡng thường xuyên (Trường, tổ chuyên môn, giáo viên)	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Tổ chuyên môn	Hiệu trưởng, Tổ chuyên môn
	10	[H1-1.4-10]	Báo cáo tổng kết năm học	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2018-2019		
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Hồ sơ quản lý trẻ (Kế hoạch tuyển sinh của Ủy ban nhân dân huyện, Kế hoạch tuyển sinh của trường, danh sách học sinh theo độ tuổi).	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.5-02]	Bảng thống kê nhóm lớp.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.5-03]	Sổ điểm danh học sinh.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Kế toán	Kế toán
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ văn thư (sổ công văn đến, sổ công văn đi, hồ sơ lưu công văn đi, đến).	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Văn thư	Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	2	[H1-1.6-02]	Biên bản kiểm tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Hóc Môn	Kế toán
	3	[H1-1.6-03]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.6-04]	Hồ sơ Quy chế chi tiêu nội bộ.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.6-05]	Phần mềm IMAS, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm bảo hiểm xã hội...	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Kế toán	Kế toán
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch năm học	Năm học 2014-2015	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
	2	[H1-1.7-02]	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.7-03]	Hồ sơ quản lý nhân sự	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Văn thư	Văn thư
	4	[H1-1.7-04]	Hồ sơ chế độ chính sách đội ngũ	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Kế toán	Hiệu trưởng, Kế toán
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Hồ sơ giáo viên (Kế hoạch giáo dục năm, tháng, tuần, giáo án; bảng đánh	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016	Giáo viên	Giáo viên

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			giá khả năng phát triển của trẻ; sổ bé ngoan, sổ liên lạc; hồ sơ lưu sản phẩm của trẻ).	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
	2	[H1-1.8-02]	Hồ sơ theo dõi đánh giá trẻ.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	3	[H1-1.8-03]	Biên bản kiểm tra đánh giá về chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ của các cấp có thẩm quyền. Biên bản kiểm tra việc thực hiện Chương trình chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ của các cấp có thẩm quyền.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Hội nghị cán bộ công chức, viên chức, người lao động	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ thực hiện công tác quy chế	Năm học 2014-2015	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			dân chủ cơ sở.	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Hồ sơ đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Quy chế phối hợp công an xã Xuân Thới Sơn về phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.10-02]	Phương án, biên bản, hình ảnh đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Y tế	Y tế
	3	[H1-1.10-03]	Phương án, biên bản, hình ảnh phòng chống tai nạn thương tích.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	4	[H1-1.10-04]	Phương án, biên bản, hình ảnh phòng chống cháy nổ	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
	5	[H1-1.10-05]	Phương án, biên bản, hình ảnh an toàn phòng chống dịch bệnh.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Y tế	Y tế
	6	[H1-1.10-06]	Phương án, biên bản, hình ảnh an toàn phòng chống tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường.	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	7	[H1-1.10-07]	Hình ảnh hộp thư góp ý trước cổng trường.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.1	01	[H2-2.1-01]	Hồ sơ đánh giá Chuẩn hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2018-2019		
Tiêu chí 2.2	01	[H2-2.2-01]	Hồ sơ hợp đồng lao động giáo viên, nhân viên nuôi dưỡng.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Văn thư
	02	[H2-2.2-02]	Hồ sơ thống kê văn bằng, chứng chỉ giáo viên, nhân viên .	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Văn thư
	03	[H2-2.2-03]	Hồ sơ chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	04	[H2-2.2-04]	Hồ sơ thi đua	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
Tiêu chí 2.3	01	[H2-2.3-01]	Hồ sơ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Văn thư
Tiêu chí 3.1	01	[H3-3.1-01]	Hồ sơ nhà đất (Hồ sơ thiết kế xây dựng; sơ đồ tổng thể các khu vực sân chơi, bếp, khu hành chính trong nhà trường).	Năm 2002	Công ty địa ốc Gò Môn	Hiệu trưởng
	02	[H3-3.1-02]	Ảnh chụp toàn trường, các khu vực	Năm học 2014-2015 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	03	[H3-3.1-03]	Danh mục đồ dùng – đồ chơi ngoài trời, thiết bị đồ chơi tự làm	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 3.5	01	[H3-3.5-01]	Hình ảnh đồ chơi tự làm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
	02	[H3-3.5-02]	Sổ báo hư tài sản.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	03	[H3-3.5-03]	Hợp đồng kết nối mạng	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Kế toán	Kế toán
Tiêu chí 3.6	01	[H3-3.6-01]	Hoá đơn thu tiền nước sinh hoạt, tiền rác sinh hoạt, tiền nước uống.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Kế toán	Kế toán
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp - trường; Hình ảnh họp Ban đại diện Cha mẹ học sinh	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2018-2019		
	2	[H4-4.1-02]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	3	[H4-4.1-03]	Tài liệu, hình ảnh tuyên truyền	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	4	[H4-4.1-04]	Hồ sơ xã hội hoá giáo dục	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Văn bản tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	2	[H4-4.2-02]	Các hình ảnh hoạt động lễ hội, sự kiện	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	3	[H4-4.2-03]	Hồ sơ công nhận đơn vị văn hoá	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Phòng họp
Tiêu chí 5.1	01	2	Chương trình giáo dục của nhóm lớp được điều chỉnh	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	2	[H5-5.1-02]	Chương trình tham khảo nước Nhật	Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H5-5.1-03]	Hồ sơ đánh giá trẻ em	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 5.2	01	[H5-5.2-01]	Hình ảnh các hoạt động, sản phẩm của trẻ.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Giáo viên	Laptop ở D
Tiêu chí 5.3	01	[H5-5.3-01]	Hồ sơ sức khỏe trẻ	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Y tế	Y tế
Tiêu chí 5.4	01	[H5-5.4-01]	Hồ sơ phổ cập trẻ 5 tuổi.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Văn thư	Văn thư